

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

Số: 2483/QĐ-ĐHSPNTTW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
ngành Quản lý văn hóa trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW
theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 26/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ
v/v thành lập Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm
định và ban hành chương trình chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại
học;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 27/10/2022 của Hội đồng Trường
ĐHSP Nghệ thuật TW về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP
Nghệ thuật TW và Nghị quyết số 08/NQ-ĐHSPNTTW-HĐT ngày 05/6/2023 về việc
sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản lý
văn hóa trình độ đại học;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa trình độ đại học
của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

(Chương trình đào tạo kèm theo quyết định này)

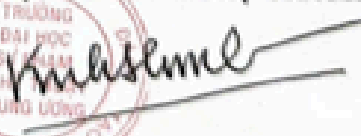
Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ
năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, các phòng chức năng, các đơn vị
hữu quan của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này./. 

Nơi nhận:

- HĐT (để bc);
- Ban Giám hiệu (để bc);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT; ĐT (06).

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



PGS, TS. Lê Vinh Hưng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Quản lý văn hóa
Mã số: 7229342

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý văn hóa
 - + Tiếng Anh: Cultural Management
- Mã số ngành đào tạo: 7229342
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Quản lý văn hóa
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Cultural Management
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: 2023
- Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:
 - + Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
 - + Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương;
 - + Căn cứ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản lý văn hóa có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

*** Kiến thức**

+ Kiến thức chung: Trang bị cho sinh viên kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất, tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý, các quy luật về tự nhiên và xã hội; Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, khoa học xã hội - nhân văn, tin học và ngoại ngữ.

+ Kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành: Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn làm cơ sở hiểu biết và phát triển các khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Quản lý văn hóa

+ Kiến thức cơ sở ngành: Trang bị cho sinh viên Quản lý văn hóa có kiến thức nền tảng cơ bản về Quản lý văn hóa, văn hóa nghệ thuật.

+ Kiến thức chuyên ngành: Sinh viên được trang bị hiểu biết về lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Quản lý văn hóa. Có khả năng thực hành, ứng dụng các hoạt động văn hóa nghệ thuật.

+ Kiến thức thực tế, thực tập: Sinh viên ứng dụng chuyên môn đã học vào thực tế, mở rộng hiểu biết về lĩnh vực nghề tại các cơ sở thực tập nghề nghiệp.

*** Kỹ năng**

- Kỹ năng cứng:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Có kỹ năng, năng lực lãnh đạo, quản lý về lĩnh vực văn hóa; có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, khả năng tư duy theo hệ thống; Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng vào các hoạt động quản lý văn hóa và các lĩnh vực liên quan.

+ Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ trong nghiên cứu lĩnh vực quản lý văn hóa và tổ chức quản lý lĩnh vực văn hóa, xã hội và các ngành liên quan.

- Kỹ năng mềm: Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức sinh hoạt tập thể, tổ chức hoạt động văn nghệ, thể thao.

*** *Năng lực tự chủ và trách nhiệm***

+ Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, nâng cao ý thức trách nhiệm của người học trong việc quản lý văn hóa; chủ động, tự tin vận dụng kiến thức vào lĩnh vực quản lý văn hóa ở Việt Nam.

+ Có ý thức, trách nhiệm công dân, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao.

+ Có thái độ trân trọng, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hội nhập quốc tế.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, đạt điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của nhà trường.

2. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Thí sinh chọn 01 trong 04 tổ hợp môn thi sau:

- + Ngữ văn (xét tuyển); Lịch sử (xét tuyển); Năng khiếu nghệ thuật (thi tuyển 01 trong các nội dung: Đàn/hát/múa/ tiểu phẩm kịch/ hùng biện...).
- + Ngữ văn (xét tuyển); Xét điểm ngành Sư phạm Âm nhạc/ Thanh nhạc/ Piano.
- + Ngữ văn (xét tuyển); Hình họa (thi tuyển Vẽ tượng chân dung - 240 phút); Vẽ màu (240 phút).
- + Xét tuyển: Ngữ văn; Lịch sử; Địa lí.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: Theo chỉ tiêu hàng năm của Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (dự kiến khoảng 160 sinh viên/năm).

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết
	CDR - Kiến thức

KT1	- Vận dụng được kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, các quy luật về tự nhiên và xã hội, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất, để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp. - Vận dụng được kiến thức tiếng anh chuyên ngành, tin học chuyên ngành trong nghiên cứu, học tập, sáng tạo và hoạt động Quản lý văn hóa.
KT2	-Hiểu, vận dụng kiến thức nền tảng của khoa học xã hội và nhân văn vào hoạt động văn hóa nghệ thuật nói chung và quản lý văn hóa nói riêng.
KT3	- Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ sở ngành về lĩnh vực văn hóa và quản lý văn hóa vào thực tiễn, giúp sinh viên lựa chọn, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp phù hợp với năng lực cá nhân.
KT 4	- Vận dụng kiến thức ngành và chuyên ngành để chủ động nghiên cứu lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quản lý hoạt động văn hóa nghệ thuật phù hợp nhu cầu thực tiễn của xã hội.
KT 5	-Thực hiện có hiệu quả và sáng tạo trong việc tổ chức, quản lý và thực hành chuyên sâu các hoạt động quản lý văn hóa, văn hóa - nghệ thuật, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn.
	CĐR - Kỹ năng
KN1	Dẫn dắt, thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề; các kỹ năng mềm trong lĩnh vực văn hóa như xử lý các nguồn tài liệu thuộc lĩnh vực văn hóa, điền dã, xây dựng dự án văn hóa.
KN2	Kỹ năng tổ chức, xây dựng hoạt động văn hóa, tổ chức các qui trình thiết kế kịch bản văn hóa phù hợp trong các điều kiện hoàn cảnh văn hóa xã hội khác nhau.
KN3	Kỹ năng nghiên cứu kiến thức văn hóa; phát hiện các vấn đề trong lĩnh vực văn hóa có liên quan đến kinh tế, xã hội, chính trị.

KN4	Kỹ năng quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi, thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email.
KN 5	Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, kiểm tra các hoạt động trong chuyên môn. Phối hợp năng lực nghe, nói, đọc viết đạt trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản và tin học chuyên ngành Quản lý văn hóa phù hợp công việc chuyên môn.
	CĐR - Mức tự chủ và trách nhiệm
TC1	Chủ động tích lũy kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo. Có trách nhiệm, tự tin, kiên trì, linh hoạt trong công việc, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Chủ động học tập, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau.
TC2	Chủ động lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.
TC3	Có ý thức, trách nhiệm công dân, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước
TC4	Hình thành nhân sinh quan, lý tưởng nghề nghiệp và tự định hướng trong việc điều chỉnh bản thân phù hợp với thực tiễn. Tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao. Chủ động, sẵn sàng hội nhập thị trường lao động khu vực và quốc tế.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các vị trí:

- Trong doanh nghiệp: Tổ chức sự kiện, truyền thông, lập dự án, trung tâm triển lãm, đề án về văn hóa xã hội, hội chợ...

- Trong các cơ quan nhà nước: Công tác tại các cơ quan thông tấn, Đài truyền hình, Đài tiếng nói, Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố, các sở văn hóa thể thao và du lịch, khu di tích văn hóa....

- Nghiên cứu và giảng dạy tại các tổ chức, cơ quan quản lý, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực văn hóa học, quản lý văn hóa...

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu đảm bảo kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Quản lý giáo dục trong và ngoài nước.

Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực Quản lý văn hóa, Văn hóa học ở các cấp khác nhau.

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các học phần trong	Chuẩn đầu ra													
chương trình đào tạo	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4
1. Khối kiến thức chung														
Triết học Mác – Lê nin	2					2			3	3	2			
Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2					2			3	3	2			
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					2			3	3	2			
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2			3	3	2			
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2			3	3	2			
Tin học cơ bản	2					1	2	3		3	1	2	3	
Tiếng Anh 1	2					1	2	3		3	1	2	3	
Tiếng Anh 2	2					1	2			3	1	2	3	
Giáo dục thể chất 1	2					1	2					2	3	
Giáo dục thể chất 2	2							3					3	
Pháp luật đại cương	2					2			3	3	2			
Giáo dục quốc phòng														

Các học phần trong	Chuẩn đầu ra													
chương trình đào tạo	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN ₁	KN ₂	KN ₃	KN ₄	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4
2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành														
2.1. Các học phần bắt buộc														
Tin học chuyên ngành	2									3	2			
Tiếng Anh chuyên ngành	3					1	2	3		3	1	2	3	
Phương pháp nghiên cứu khoa học		3					2						2	
Cơ sở văn hóa Việt Nam		2					2		2				4	2
Lịch sử văn minh thế giới		2				2			3	3	2			
Văn hóa học đại cương		2				2			3	3	2	2		
2.2. Các học phần tự chọn														
Mỹ học		2				2						2		
Kỹ năng khởi nghiệp		2				2						2		
Tiếng Việt thực hành		2				2						2		
Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam		2				2						2	4	2

Các học phần trong	Chuẩn đầu ra													
chương trình đào tạo	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4
3. Khối kiến thức cơ sở ngành														
3.1. Các học phần bắt buộc														
Đại cương các loại hình nghệ thuật 1 (<i>Âm nhạc + Múa</i>)			2					2					2	
Đại cương các loại hình nghệ thuật 2 (<i>Sân khấu + Mỹ thuật</i>)			2					2					2	
Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam			3			2		2			2	2		
Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa			3					2				2		
Tâm lý học đại cương			3			1	2		4	5	1	2		
2.2. Các học phần tự chọn														
Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á			3			3					2	2	2	
Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam			3			2			2		2	2		
Nhân học văn hóa			3			1	2		4	5	1	2		

Các học phần trong	Chuẩn đầu ra													
chương trình đào tạo	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4
Chính sách văn hóa			3			3		3	3		2		4	
Địa chí văn hóa Việt Nam			3			3					3		1	3
Văn hóa dân gian Việt Nam			3			2	2		4	5	1	2		
4. Khối kiến thức chuyên ngành														
4.1. Các học phần bắt buộc														
Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 1				3			2			3	3	4	4	2
Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 2				3		2	4	3	4	5	4	2	4	2
Quản lý dịch vụ văn hóa				3		2	2	3	4	5	4	3	4	2
Quản lý di sản văn hóa				3		2	4	3	4	5	4	2	4	2
Quản lý văn hóa du lịch				3		2		3	4	5	2	3	4	2
Quản lý hoạt động quảng cáo				3				3		5			3	
Quản lý hoạt động biểu diễn				3		2	4	3			4	2	4	2

Các học phần trong	Chuẩn đầu ra													
chương trình đào tạo	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN ₁	KN ₂	KN ₃	KN ₄	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4
Nghệ thuật thực hành				3		1	2	4			1	2	4	2
Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật				3		2	2				2	2	4	2
Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa				3			2	3				2	4	2
Các vùng văn hóa ở Việt Nam				3			3	2			3		4	2
Tổ chức sự kiện				3		1	2	3	4	5	1	2	4	2
Xã hội học văn hóa				3		2		3			2	2	4	2
Marketing văn hóa nghệ thuật				3		1	2		4	5	1	2	4	2
Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở				3		1	2		4	5	1	2	4	2
Quản lý dự án văn hóa				6		2	2		4	5	2	2	4	2
4.2. Các học phần tự chọn														
Ngoại giao văn hóa				3			1				2		4	2
Huy động tài trợ				3			1				2		4	2
Thiết kế sân khấu, phục trang				3			1				2		4	2

Các học phần trong	Chuẩn đầu ra													
chương trình đào tạo	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4
Quan hệ công chúng				3			1				2		4	2
Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể				3				3		5			4	2
Phát triển văn hóa cộng đồng				3			4			2	2	4	4	2
Truyền thông đại chúng				3				3		5			4	2
Các ngành công nghiệp văn hóa				3		2	2	3	4	5	4	2	4	2
Văn hóa gia đình và văn hóa giao tiếp				3		2	2	3	4	5	4	2	4	2
5. Khối kiến thức thực tập														
Thực tập giữa khóa					6	2	4		4	5	4	5	4	2
Thực tập tốt nghiệp					6	2	4		4	5	4	5	4	2
6. Khối kiến thức cuối khóa														
Khóa luận					6	4	5	3	4	5	1	3	4	2
<i>Học phần thay thế khóa luận</i>														

Các học phần trong	Chuẩn đầu ra													
chương trình đào tạo	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4
Lý luận văn hóa					6	4	5				3	4	4	2
Chương trình biểu diễn nghệ thuật					6	4	5				3	4	4	2

PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ (không tính học phần Giáo dục quốc phòng)

1.1. Khối kiến thức chung (M1): 27 tín chỉ

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2): 18 tín chỉ

- Bắt buộc: 13 tín chỉ

- Tự chọn: 05/09 tín chỉ

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3): 19 tín chỉ

- Bắt buộc: 13 tín chỉ

- Tự chọn: 06/12 tín chỉ

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành (M4): 52 tín chỉ

- Bắt buộc: 42 tín chỉ

- Tự chọn: 10/20 tín chỉ

1.5. Khối kiến thức thực tập, thực tế (M5): 06 tín chỉ

1.6. Khối kiến thức cuối khóa (M6): 10/20 tín chỉ

2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự NC...</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	M1	Khối kiến thức chung	27				
1	POL2009	Triết học Mác – Lê nin	3	39	12	99	Không
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	26	8	66	Triết học Mác – Lê nin
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	26	8	66	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	26	8	66	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	POL2012	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	10	20	70	Không
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	52	16	132	Không
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	39	12	99	Tiếng Anh 1
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	4	46	50	Không

Stt	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự NC...</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3	6	69	75	Giáo dục thể chất 1
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	26	8	66	Không
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng					
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18				
<i>II.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	13				
13	CLM2005	Tin học chuyên ngành	2	10	24	66	Tin học cơ bản
14	CFL2007	Tiếng Anh chuyên ngành	2	26	8	66	Tiếng Anh 2
15	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	26	8	66	Không
16	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	39	12	99	Không
17	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2	26	8	66	Không
18	CLM2003	Văn hóa học đại cương	2	26	8	66	Không
<i>II.2</i>		<i>Các học phần tự chọn</i>	5/9				
19	CLM2006	Mỹ học	2	26	8	66	Không
20	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	15	30	90	Không

Stt	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự NC...</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
21	CFL2008	Tiếng Việt thực hành	2	26	8	66	Không
22	CLM2007	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2	26	8	66	Không
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	19				
<i>III.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	13				
23	CLM2008	Đại cương các loại hình nghệ thuật 1 (<i>Múa + Âm nhạc</i>)	3	39	12	99	Không
24	CLM2009	Đại cương các loại hình nghệ thuật 2 (<i>Sân khấu + Mỹ thuật</i>)	3	39	12	99	Không
25	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Không
26	CLM2011	Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa	3	39	12	99	Không
27	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2	26	8	66	Không
<i>III.2</i>		<i>Các học phần tự chọn</i>	6/12				

Stt	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự NC...</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
28	CLM2012	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á	2	26	8	66	Không
29	CLM2013	Lịch sử tư tưởng Phương Đông và Việt Nam	2	26	8	66	Không
30	CLM2002	Nhân học văn hóa	2	26	8	66	Cơ sở văn hóa Việt Nam
31	CLM2014	Chính sách văn hoá	2	26	8	66	Không
32	CLM2015	Địa chí văn hóa Việt Nam	2	26	8	66	Không
33	CLM2016	Văn hóa dân gian Việt Nam	2	26	8	66	Không
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	52				
<i>IV.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>42</i>				
34	CLM2017	Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 1	3	39	12	99	Không
35	CLM2018	Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 2	3	39	12	99	Không
36	CLM2019	Quản lý dịch vụ văn hóa	2	26	8	66	Không
37	CLM2093	Quản lý di sản văn hóa	3	39	12	99	Không

Stt	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự NC...</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
38	CLM2021	Quản lý văn hóa du lịch	2	26	8	66	Không
39	CLM2022	Quản lý hoạt động quảng cáo	2	26	8	66	Không
40	CLM2023	Quản lý hoạt động biểu diễn	2	26	8	66	Không
41	CLM2024	Nghệ thuật thực hành	4	30	60	110	Không
42	CLM2029	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	4	52	16	132	Không
43	CLM2030	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	2	26	8	66	Chính sách văn hóa
44	CLM2032	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	2	26	8	66	Không
45	CLM2088	Tổ chức sự kiện	3	39	12	99	Không
46	CLM2092	Xã hội học văn hóa	2	26	8	66	Văn hóa học đại cương
47	CLM2035	Marketing văn hóa nghệ thuật	3	39	12	99	Không
48	CLM2037	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	3	39	12	99	Cơ sở văn hóa Việt Nam
49	CLM2038	Quản lý dự án văn hóa	2	26	8	66	Không

Stt	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự NC...</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
IV.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	10/20				
50	CLM2039	Ngoại giao văn hóa	2	26	8	66	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam
51	CLM2040	Huy động tài trợ	2	26	8	66	Không
52	CLM2041	Thiết kế sân khấu, phục trang	4	52	8	140	Không
53	CLM2042	Quan hệ công chúng	2	26	8	66	Không
54	CLM2043	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể	2	26	8	66	Không
55	CLM2044	Phát triển văn hóa cộng đồng	2	26	8	66	Không
56	CLM2045	Truyền thông đại chúng	2	26	8	66	Không
57	CLM2046	Các ngành công nghiệp văn hóa	2	26	8	66	Không
58	CLM2047	Văn hóa gia đình và Văn hóa giao tiếp	2	26	8	66	Không
V	M5	Khối kiến thức thực tập	6				
59	CLM2048	Thực tập giữa khóa	3	6	39	45	Hoàn thành các học phần theo quy định

Stt	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự NC...</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
60	CLM2049	Thực tập tốt nghiệp	3	6	39	45	Thực tập giữa khóa
VI	M6	Khối kiến thức cuối khóa	10/20				
61	CLM2050	Khóa luận	10				Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
62	CLM2051	Lý luận văn hóa	5				Hoàn thành các học theo quy định
63	CLM2052	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	5				Hoàn thành các học phần theo quy định
Tổng số			132				

3. Tóm tắt nội dung các học phần

I. M1. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (27 tín chỉ)

1. POL2009, Triết học Mác – Lênin, (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần nêu rõ được vai trò của triết học trong đời sống xã hội, các vấn đề cơ bản của triết học. Học phần đề cập về thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. POL2010, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2009, Triết học Mác – Lênin, (3 tín chỉ)

+ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần khái quát những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Học phần khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin; đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin; chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Học phần đề cập đến giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan hệ kinh tế ở Việt Nam theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

3. POL2011, Chủ nghĩa xã hội khoa học, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2010, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, (2 tín chỉ)

+ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần khái quát những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Học phần đề cập đến lĩnh vực chủ nghĩa xã hội khoa học, các vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình và xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. POL2003, Tư tưởng Hồ Chí Minh, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: POL2011, Chủ nghĩa xã hội khoa học, (2 tín chỉ)

+ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm:

+ *Tổng quát về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh*: đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh; khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ *Mảng kiến thức cụ thể về đối tượng của môn học* là một số vấn đề cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh: tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, nhân văn, văn hoá.

+ *Mảng kiến thức liên hệ thực tế*: một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay.

5. POL2013, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết*: POL2003, *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, (2 tín chỉ)

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Sự ra đời đó là kết quả sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử đấu tranh dân tộc ở Việt Nam, là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX; làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng, đó là: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975); đường lối công nghiệp hóa; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại. Qua đó, làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

6. INF2001, Tin học cơ bản, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết*: Không

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học bao gồm các phần sau:

- Phần 1. Một số kiến thức cơ bản về tin học và máy tính, bao gồm: Thông tin, lưu trữ và xử lý thông tin trên máy tính; Hệ điều hành; một số trình tiện ích, ...
- Phần 2. Hệ soạn thảo văn bản MicrosoftWord: Bao gồm các kiến thức giúp sinh viên thực hiện các thao tác xử lý văn bản bằng công cụ hỗ trợ văn phòng MS Word như xây dựng văn bản, định dạng văn bản, chèn các đối tượng vào văn bản v.v...
- Phần 3. Bảng tính điện tử MicrosoftExcel: Giúp sinh viên thực hiện các kỹ năng trên bảng tính như nhập dữ liệu cho bảng tính, trình bày bảng tính, xây dựng công thức, sử dụng một số hàm thông dụng để tính toán, các hàm đặc biệt khác và xử lý, tổng hợp dữ liệu trên bảng tính...
- Phần 4. Trình chiếu MicrosoftPower Point: Giúp sinh viên thực hiện làm quen với các công cụ trên slides, tạo hiệu ứng cho slides, quản lý slides, kỹ thuật trình chiếu nhằm tạo ra một bài trình chiếu sinh động.

7. CFL.2001, Tiếng Anh 1, (4 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Nội dung học phần tiếng Anh 1 gồm 14 chủ đề: (1) Hello everybody; (2) Meeting people; (3) The world of work; (4) Take it easy; (5) Where do you live?; (6) Can you speak English?; (7) Then and now (8) A date to remember; (9) Food you like (10) Bigger and better (11) Looking good; (12) Life ‘s an adventure; (13) Storytime; (14) Have you ever? Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: Cấu tạo và cách sử dụng của thì hiện tại đơn với động từ “to be” và động từ thường; cấu trúc “have got/ has got”; “have to/ has to”, động từ khuyết thiếu “can” và “could”, cấu trúc ‘there is/there are’, thì quá khứ đơn với động từ “to be” và động từ thường, danh từ đếm được và không đếm được, cách dùng của tính từ và trạng từ, câu tạo và cách dùng của thì hiện tại tiếp diễn; cách diễn đạt hành động trong tương lai gần với “be going to”; các cấp so sánh của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, tính từ sở hữu; danh từ đếm được và không đếm được; đại từ sở hữu. Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng số đếm, số điện thoại và các từ vựng thuộc chủ đề quê quán, quốc tịch, gia đình, hoạt động vui chơi giải trí, thức ăn và đồ uống, trang phục, cảm xúc, đồ vật trong

gia đình, từ chỉ nghề nghiệp, màu sắc và thời tiết. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết theo các chủ đề: giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích, hoạt động giải trí, phát minh, công việc, ...

8. CFL.2002, Tiếng Anh 2, (3 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: CFL.2001, Tiếng Anh 1, (4 tín chỉ)*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Nội dung học phần tiếng Anh 2 gồm 12 chủ đề: (1) Unit1: Getting to know you; (2) Unit 2: The way we live; (3) Unit 3: What happened next?; (4) Unit 4: The market place; (5) Unit 5: What do you want to do?; (6) Unit 6: Places and things; (7) Unit 7: Fame; (8) Unit 8: Do's and don't; (9) Unit 9: Going places; (10) Unit 10: Things that changed the world; (11) Unit 11: What if ...?; Unit 12: Trying your best.. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, từ chỉ số lượng, quán từ xác định, các cấu trúc diễn đạt tương lai, cấu trúc so sánh của tính từ, cấu trúc “have to, should, must”, mệnh đề thời gian bắt đầu bằng các từ “as soon as, when, while, until”, dạng bị động, câu điều kiện loại 2. Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng các từ vựng thuộc các chủ đề: thức ăn đồ uống, địa điểm, mua sắm. Sinh viên nhớ và vận dụng được các từ kết hợp với chủ đề cuộc sống hàng ngày, tính từ đồng nghĩa và trái nghĩa, động từ kết hợp với danh từ, cụm động từ và thành ngữ. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày. Đối với kỹ năng đọc, rèn luyện cho sinh viên khả năng đọc lướt, đọc quét. Đối với kỹ năng nghe, rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe để xác định thông tin đúng/sai, nghe để ghi lại thông tin chính. Đối với kỹ năng viết, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ Anh để miêu tả bạn, viết thư, kể truyện, viết bưu thiếp, điền đơn, giới thiệu sách/phim.

9. PPE2010, Giáo dục thể chất 1, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Giáo dục thể chất 1 (GDTC 1) là phần học bắt buộc trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho Sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 1 được chia làm ba nội dung chính:

Thứ nhất: Thể dục cơ bản là các nội dung đội hình đội ngũ và các bài tập thể dục tay không được sắp xếp thành bài tập để người tập thường xuyên tập luyện ở mọi lúc mọi nơi, nhằm tăng cường sức khỏe và sự dẻo dai trong lao động.

Thứ hai: Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là nội dung nằm trong bộ môn Điền kinh. Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là môn thể thao có lịch sử lâu đời, được ưa chuộng và phổ cập rộng rãi trên thế giới. Với nội dung phong phú đa dạng, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong một số những bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện là tiền đề để phát triển các môn thể thao khác.

Thứ ba: Thể dục Aerobic: là một dạng của Aerobic với mục đích nâng cao thể lực nói chung và sức bền nói riêng cho người tập. Nó được thực hiện nhờ vận động tại chỗ và di chuyển trong sự phối hợp với nhạc đệm - dẫn dắt nhịp. Cường độ vận động của thể dục Aerobic phụ thuộc vào tính chất, mục đích xây dựng của bài tập.

10. PPE2011, Giáo dục thể chất 2, (3 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: PPE2010, Giáo dục thể chất 1, (2 tín chỉ)*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Giáo dục thể chất 2 (GDTC 2) là phần học tự chọn trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 2 được chọn làm ba nội dung:

Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)

Môn học Cầu lông là một trong 3 nội dung học tự chọn của học phần Giáo dục thể chất 2 trong chương trình đào tạo về Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Môn học chia làm 3 nội dung chính: một là Nguồn gốc ra đời của môn Cầu lông và Luật thi đấu môn Cầu lông, hai là Các kỹ thuật thực hành trong môn học Cầu lông, ba là Phương pháp tổ chức và thi đấu môn học Cầu lông.

Môn học Cầu lông là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lịch sử ra đời môn Cầu lông, các kỹ thuật cơ bản trong đánh cầu lông, thi đấu cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông.

Ngoài ra môn học giúp cho người học hiểu được vai trò, chức năng của cầu lông trong rèn luyện giáo dục thể chất nói chung và trong hoạt động thể dục thể thao nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận động, xác định mục tiêu môn học, bài học. Trên cơ sở đó, giảng viên xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập một cách khách quan, khoa học và công bằng. Quy trình này cũng giúp giảng viên, sinh viên biết tự đánh giá kết quả của quá trình dạy và học, giúp giảng viên, sinh viên thu thập các thông tin phản hồi hữu ích để điều chỉnh quá trình dạy học, nhằm đạt mục tiêu dạy học giáo dục thể chất một cách tốt nhất.

Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ)

Môn học Khiêu vũ thể thao là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn (GDTC2) của môn Giáo dục thể chất. Khiêu vũ thể thao gồm hai trường phái (Latin American và Standard), trong đó mỗi trường phái có 5 vũ điệu và được Liên đoàn khiêu vũ thể thao quốc tế lựa chọn làm các nội dung thi đấu trong hệ thống thi đấu quốc tế. Chương trình môn học tự chọn - Khiêu vũ thể thao trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học sư phạm Nghệ thuật Trung ương là trường phái Latin American (bao gồm các vũ điệu: Cha cha cha, Rumba, Samba, Jive và Paso Doble). Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Khiêu vũ thể thao (Luật Khiêu vũ thể thao và các tư thế liên kết cơ bản). Bên cạnh đó, mỗi một vũ điệu giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, xuất xứ các vũ điệu, cách đếm nhạc và vào nhạc, các vũ hình cơ bản để sinh viên có thể tự dựng một bài riêng cho đôi nhảy của mình. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức như 1 giải đấu nhỏ về Khiêu vũ thể thao để các em có thể áp dụng triệt để những kiến thức đã được học cả về lý thuyết và thực hành để tạo hứng thú trong các em sinh viên. Cùng với sự kiểm tra, đánh giá, nhận xét của các giảng viên có chuyên môn trong bộ môn Giáo dục thể chất giúp các em nâng cao được trình độ và có thể tự tin đi giao lưu hoặc tham gia một số giải đấu như Vũ điệu xanh, Giải thể thao học sinh sinh viên, giải thể thao các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội...

Giáo dục thể chất 2 (Võ)

Môn học Võ thuật là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn của môn Giáo dục thể chất. Võ thuật gồm nhiều môn phái như (Võ cổ truyền, Karate, Vovinam, Taekwondo...), trong đó trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương chọn môn võ

Karate làm một trong ba môn học tự chọn của trường. Chương trình môn học tự chọn – Võ thuật trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương là môn phái Karate. Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Võ thuật (Luật Võ Karate và các tư thế tấn, các đòn đâm, đá). Bên cạnh đó, mỗi bài bài quyền giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về yếu lĩnh kỹ thuật của từng tư thế động tác, cách sử dụng lực ở từng đòn đâm, đá và cách di chuyển trong bài quyền để sinh viên có thể thực hiện đúng và liên hoàn các thế võ. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức biểu diễn theo nhóm

11. POL 2007, Pháp luật đại cương, (2 tín chỉ)

+ Môn học tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát về Nhà nước và pháp luật, đồng thời sinh viên sẽ hiểu được các loại văn bản quy phạm pháp luật của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

12. GDQP, Giáo dục quốc phòng

II. M2. KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH (18 tín chỉ)

II.1. Các học phần bắt buộc (13 tín chỉ)

13. CLM 2005, Tin học chuyên ngành, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: INF2001, Tin học cơ bản, (02 tín chỉ)

+ Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp, trang bị cho sinh viên nắm bắt được đặc điểm, tính năng một số phần mềm chỉnh sửa ảnh/audio/video, thiết kế truyền thông đa phương tiện (Multimedia). Thực hành thiết kế các sản phẩm đơn giản phục vụ cho công tác truyền thông trong lĩnh vực văn hóa xã hội.

14. CFL 2007, Tiếng Anh chuyên ngành, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: CFL.2002, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

+ Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung tiếng Anh chuyên ngành Quản lý văn hoá gồm 06 chủ đề: 1: Unit 1: Holidays (Kỳ nghỉ); 2: Unit 2: Festivals (Lễ hội); 3: Unit 3: Traditional clothes (Trang phục truyền thống); 4: Unit 4: Food (Ẩm thực); 5: Unit 5: Music (Âm nhạc); 6: Unit 6:

Vietnamese Traditional Arts (Nghệ thuật truyền thống Việt Nam). Các chủ đề không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về văn hóa mà còn giúp sinh viên mở rộng vốn từ tiếng Anh chuyên ngành Quản lý văn hóa. Ngoài ra, mỗi đơn vị bài học giúp sinh viên củng cố và trau dồi thêm các kiến thức ngữ pháp tiếng Anh bao gồm thì hiện tại đơn (the present simple tense) và thì quá khứ đơn (the past simple tense), cấu trúc bị động (passive voice), mệnh đề tính ngữ với “who, which, that”, phục vụ mục đích sử dụng trong các ngữ cảnh chuyên ngành Quản lý văn hóa. Về các kỹ năng nghe, nói (*listening and speaking*): Sinh viên có khả năng phát triển kỹ năng nghe hiểu và giao tiếp về các chủ đề về văn hóa. Về kỹ năng đọc (*reading*): Có khả năng đọc lướt (skimming) để tìm nội dung chính, đọc chi tiết (scanning) để tìm thông tin cụ thể và làm bài tập theo các *task* như: Ghép từ với định nghĩa, xác định câu đúng sai, điền từ vào chỗ trống và trả lời các câu hỏi về nội dung bài đọc. Về kỹ năng viết (*writing*): Phát triển kỹ năng viết về các chủ đề từ đơn giản đến phức tạp liên quan đến lĩnh vực văn hóa.

15. PPE2008, Phương pháp nghiên cứu khoa học, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và hệ thống về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học cụ thể và vận dụng các phương pháp đó trong nghiên cứu và hoạt động xã hội, cụ thể là: phương pháp luận, một số phương pháp cụ thể như phương pháp quan sát, phân tích tư liệu, phương pháp phỏng vấn cá nhân, phỏng vấn nhóm, phương pháp phỏng vấn sâu, phỏng vấn tiểu sử, phương pháp chọn mẫu, phương pháp dân tộc học. Giúp sinh viên biết lựa chọn và sử dụng các phương pháp định tính, định lượng các phương pháp xử lý thông tin, biết xây dựng một chương trình, kế hoạch nghiên cứu xã hội học. Từ đó biết kết hợp các phương pháp của ngành công tác xã hội.

16. CLM2001, Cơ sở văn hóa Việt Nam, (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học căn bản, thiết thực đối với sinh viên thuộc khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, văn hóa, nghệ thuật. Môn học chiếm thời lượng 3 tín chỉ, là môn học mang tính bắt buộc của sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật

Trung ương. Nội dung môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về văn hóa như: Khái niệm về văn hóa, về điều kiện hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam. Học phần trình bày toàn bộ cấu trúc của văn hóa Việt Nam (các thành tố tạo nên văn hóa Việt Nam). Học phần cũng diễn giải tiến trình hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam từ thời kỳ văn hóa nguyên thủy đến nay (tiếp cận văn hóa theo chiều “thời gian”). Nội dung cuối cùng của học phần giới thiệu khái quát đặc trưng các vùng văn hóa Việt Nam (tiếp cận văn hóa theo chiều “không gian”).

17. CLM 2004, Lịch sử văn minh thế giới, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về điều kiện hình thành và quá trình lịch sử của một số nền văn minh trên thế giới từ thời kỳ cổ đại, trung đại đến thời kỳ cận, hiện đại.... Trên cơ sở đó, giới thiệu về những thành tựu cơ bản của một số trung tâm văn minh như: Văn minh ở Bắc Phi và Tây Á, văn minh Ấn Độ cổ - trung đại, văn minh Trung Quốc cổ - trung đại, văn minh Hy Lạp-La Mã cổ đại,...

Môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm của một số nền văn minh, từ đó giúp cho sinh viên có thể nhận dạng được nền văn minh đó, so sánh, đối chiếu để thấy được sự giống và khác nhau giữa văn minh, văn hóa Việt Nam với văn minh nhân loại, thấy được sự kế thừa các thành tựu văn minh của thời kỳ sau đối với thời kỳ trước.

18. CLM 2003, Văn hóa học đại cương, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Văn hóa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành, có đối tượng nghiên cứu rộng, hướng vào toàn bộ thế giới vật chất, tinh thần được sáng tạo trong suốt quá trình lịch sử loài người. Học phần Văn hóa học đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về văn hóa học, hệ thống hóa những khái niệm về văn hóa học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và nghiên cứu diễn giải các hiện tượng như biểu tượng, ký hiệu, sự biến đổi, thích ứng văn hóa trong xã hội đương đại hiện nay.

II.2. Các học phần tự chọn (5/9)

19. CLM 2006, Mỹ học, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học giúp sinh viên nhận biết được những giá trị về thẩm mỹ và cách đánh giá của những nhà nghiên cứu lỗi lạc; giúp sinh viên có khả năng nhận biết, đánh giá về các phạm trù thẩm mỹ của những quy luật của thẩm mỹ, tư duy thẩm mỹ mang lại: Lịch sử hình thành và phát triển của môn Mỹ học, các khuynh hướng chủ yếu trong lịch sử Mỹ học nhân loại; Các phạm trù Mỹ học; Đặc điểm và cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ; Những quy luật chung nhất của nghệ thuật, các loại hình của nghệ thuật.

20. PPE2030, Kỹ năng khởi nghiệp, (3 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần được xây dựng từ bộ tài liệu “Kỹ năng toàn diện – Nền tảng cốt lõi để khởi nghiệp thành công” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt triển khai tại các cơ sở đào tạo.

Học phần bao gồm 07 nhóm kỹ năng cần thiết và quan trọng đối với người học, bao gồm:

- (1) Kỹ năng nhận thức bản thân;
- (2) Kỹ năng làm chủ cảm xúc;
- (3) Kỹ năng tương tác xã hội;
- (4) Kỹ năng làm việc;
- (5) Kỹ năng quản lý;
- (6) Kỹ năng lãnh đạo;
- (7) Kỹ năng khởi nghiệp thành công.

Mỗi nhóm kỹ năng này bao gồm các kỹ năng hoặc chủ đề nhỏ khác, được xây dựng theo nguyên tắc từ nội dung đơn giản đến nâng cao và chuyên sâu và mang tính thực tiễn (Tổng thể học phần bao gồm 7 nhóm kỹ năng lớn với 10 chủ đề nhỏ, tương đương với 10 buổi học/03 tín chỉ của học phần này)

21. CFL 2008, Tiếng Việt thực hành, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt (chủ yếu là viết và nói) cho sinh viên. Góp phần cùng các môn học khác rèn luyện tư duy khoa học cho sinh viên. Tạo lập và tiếp nhận văn bản gồm các kiến thức chung nhất về tạo lập văn bản như: kỹ năng lập đề cương cho văn bản, kỹ năng viết các văn bản mang tính khuôn mẫu... đến kỹ thuật viết luận văn và tiểu

luận khoa học trong nhà trường. Rèn luyện kỹ năng đặt câu, dùng từ và chính tả gồm các kiến thức về câu, từ; một số lỗi về câu, từ và chính tả.

22. CLM2007, Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần chiếm thời lượng 2 tín chỉ. Môn học này giúp sinh viên nắm được một số vấn đề lý luận về tín ngưỡng, tôn giáo, những điểm căn bản về quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo trong bối cảnh hiện nay. Học phần trình bày một số đặc điểm cơ bản của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Đối với nội dung về tín ngưỡng, học phần trình bày một số hình thức tín ngưỡng cơ bản ở Việt Nam như thờ cúng tổ tiên, thờ Thành Hoàng, thờ Mẫu, thờ Đức Thánh Trần, tín ngưỡng Bách nghệ Tổ sư. Đối với nội dung cụ thể về tôn giáo, tóm tắt những nội dung cơ bản về sự ra đời và phát triển của một số tôn giáo tiêu biểu, giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tổ chức của Phật giáo, Công giáo, Đạo Tin Lành, Hồi giáo, Đạo Cao đài và Phật giáo Hòa Hảo.

III. M3. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (19 tín chỉ)

III.1. Các học phần bắt buộc (13 tín chỉ)

23. CLM 2008, Đại cương các loại hình nghệ thuật 1 (Múa + Âm nhạc), (3 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần Đại cương các loại hình nghệ thuật 1 cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản của nghệ thuật Âm nhạc, Múa ở thế giới và Việt Nam.

Về Âm nhạc: Khái lược lịch sử, nguồn gốc, vai trò, phương tiện diễn tả của âm nhạc thế giới và Việt Nam; nhạc lý cơ bản; các hình thức, thể loại, nhạc khí; các kỹ năng đọc, ghi chép, xác định giọng điệu, cấu trúc, cách thức thể hiện tác phẩm âm nhạc.

Về Múa: Lý thuyết cơ bản về nghệ thuật múa nói chung; ngôn ngữ, lịch sử, nét đặc trưng trong múa dân gian của một số dân tộc ở Việt Nam như: Kinh, H'mông, Thái, Tày, Gia Rai, Ê Đê, Khơ Me.

24. CLM 2009, Đại cương các loại hình nghệ thuật 2 (Sân khấu + Mỹ thuật), (3 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học Đại cương các loại hình nghệ thuật II cung cấp cho sinh viên ngành Quản lý văn hóa kiến thức tổng quát về hai loại hình nghệ thuật sân khấu và mỹ thuật. Quá trình hình thành, nguồn gốc ra đời của một số các loại hình nghệ thuật trong chương trình này chủ yếu là sân khấu và mỹ thuật. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình nghệ thuật tạo hình theo tiến trình thời gian lịch sử. Giúp sinh viên cảm thụ, hiểu và phân tích được những nét hay, nét đẹp của một số tác phẩm Sân khấu và Mỹ thuật, từ đó sinh viên có thể ứng dụng những kiến thức đã học vào một số môn học trong chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa và thực hành nghề nghiệp sau khi ra trường.

25. CLM2010, Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối, chủ trương văn hóa, văn nghệ của Đảng từ Đề cương văn hóa năm 1943 đến thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Mục tiêu học phần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng về văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ đổi mới ở nước ta, bao gồm hệ thống kiến thức xác định rõ sự lãnh đạo của Đảng CSVN thông qua chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể định hướng các hoạt động văn hóa, văn nghệ; khẳng định vai trò của văn hóa, văn nghệ gắn liền với sự phát triển kinh tế, xã hội, là cơ sở xây dựng các giá trị chuẩn mực về đạo đức, lối sống trong xã hội. Phần cuối học phần cung cấp cho sinh viên một số văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ để sinh viên đối chiếu, so sánh với thực tiễn các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong đời sống xã hội.

26. CLM2011, Khoa học quản lý và quản lý văn hóa, (3 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Khoa học quản lý và quản lý văn hóa là học phần căn bản, thiết thực đối với sinh viên ngành Quản lý văn hóa. Học phần chiếm thời lượng 3 tín chỉ, là học phần mang tính bắt buộc của sinh viên ngành Quản lý văn hóa. Nội dung học phần được kết cấu trong 5 chương, gồm hai mảng kiến thức cơ bản: khoa học quản lý (từ chương 1 đến chương 3) và

quản lý văn hóa (chương 4 đến chương 5). Trong đó, phần kiến thức về khoa học quản lý trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất về quản lý bao gồm hệ thống các khái niệm, chức năng và vai trò của quản lý, quy trình quản lý, các kiến thức giao tiếp trong quản lý. Trên cơ sở những kiến thức nền tảng về quản lý sinh viên được tiếp cận với mảng kiến thức thứ 2 là quản lý văn hóa. Nội dung mảng kiến thức này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong công tác quản lý văn hóa bao gồm: Khái niệm, chức năng, mục tiêu của quản lý văn hóa, quản lý văn hóa trong nền kinh tế thị trường. Môn học phân xây dựng cho sinh viên kiến thức và kỹ năng căn bản nhất của một người quản lý trong lĩnh vực văn hóa.

27. PPE2007, Tâm lý học đại cương, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động giao tiếp, nhân cách, các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn,...; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người; các đặc điểm, cơ chế, tâm lý của các quá trình trạng thái và thuộc tính tâm lý con người; phân tích và chứng minh vai trò của các yếu tố cơ bản tổng sự hình thành nhân cách; dự báo các xu hướng, tiềm năng và tiền đề phát triển của khoa học tâm lý trong thế kỷ XXI

III.2. Các học phần tự chọn (6/12 tín chỉ)

28. CLM 2012, Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết về văn hóa Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á như: Cơ tầng Đông Nam Á trong văn hóa Việt Nam, tính khu biệt của văn hóa Việt Nam trong khu vực, con đường phát triển của văn hóa Việt Nam trong tiếp xúc Á - Âu. Nghiên cứu các giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á, những điều kiện tạo ra các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần để từ đó phát triển trên cơ sở tiếp thu văn hóa của nhân loại mà văn hóa Việt Nam là trung tâm.

29. CLM2013, Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Lịch sử tư tưởng Phương Đông là môn học tự chọn đối với sinh viên ngành Quản lý văn hóa Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật trung ương, chiếm thời lượng 2 tín chỉ. Nội dung môn học được phân bổ trong 4 chương, bao gồm các kiến thức cơ bản về tư tưởng của phương Đông và Việt Nam: Ấn Độ, Trung Quốc, Ả rập và Việt Nam. Trong đó, chương 1 giới thiệu khái quát về lịch sử Trung Quốc và quá trình hình thành các hệ tư tưởng: âm dương ngũ hành, Nho giáo, Đạo giáo, Mặc Tử và tư tưởng cải cách của Tôn Trung Sơn. Chương 2 giới thiệu khái quát về lịch sử Ấn Độ cổ đại và những hệ thống lớn của Ấn Độ (Hindu, Ấn độ giáo và Phật giáo). Chương 3 giới thiệu khái quát về lịch sử bán đảo Ả rập, giáo lý cơ bản và sự phát triển của Hồi giáo. Chương 4 giới thiệu khái quát về lịch sử Việt Nam, quá trình hình thành các hệ tư tưởng ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử từ thế kỷ I đến X, từ thế kỷ X đến XIV, từ thế kỷ XV đến XIX, và xu hướng canh tân đầu thế kỷ XX.

30. CLM2002, Nhân học văn hóa, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: CLM2001, Cơ sở văn hóa Việt Nam, (3 tín chỉ)*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Quá trình hình thành, phát triển ngành nhân học nói chung, nhân học văn hóa nói riêng. Mục tiêu môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhân học, dân tộc, tộc người, văn hóa các tộc người theo những tiêu chí cơ bản: ngôn ngữ, văn hóa, ý thức tự giác trong khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam. Qua đó, sinh viên nắm vững phương pháp phân chia nhóm tộc người theo ngôn ngữ, đặc điểm sinh hoạt, tổ chức xã hội của từng tộc người, nâng cao kiến thức về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, hôn nhân, cấu trúc gia đình, nhà cửa, ẩm thực, nghệ thuật dân gian.

31. CLM2014, Chính sách văn hóa, (3 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học này giúp sinh viên nắm được cơ sở lý luận chung về chính sách, pháp luật về văn hoá, nghệ thuật Việt Nam, một trong những điều kiện tiên quyết trong công tác quản lý văn hóa. Một nội dung quan trọng của môn học là tìm hiểu chính sách văn hóa qua các thời kỳ lịch sử Việt Nam, cụ thể là từ thời phong kiến tự chủ (khoảng thế kỷ thứ XI) đến nay. Môn học còn cung cấp cho sinh viên những mục tiêu, phương hướng cơ bản của các chính sách văn hoá ở Việt nam, nội dung chính sách văn hoá Việt Nam hiện tại. Ngoài ra

môn học còn giới thiệu một số mô hình chính sách văn hoá tiêu biểu trên thế giới để tham khảo, vận dụng trong quá trình xây dựng các chính sách văn hóa Việt Nam.

32. CLM 2015, Địa chí văn hóa Việt Nam, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết:* Không

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Địa chí văn hóa là một thể loại đặc thù, hình thành dựa trên nền tảng của các ngành địa chí học và văn hóa học, được ghi chép khách quan, cô đọng các sự kiện văn hóa - khoa học đã diễn ra trong lịch sử, nhằm khắc họa diện mạo văn hóa từng địa bàn nhất định. Đây là bộ phận nằm trong vốn di sản văn hóa dân tộc, văn bản hóa các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể.

Địa chí văn hóa cung cấp kiến thức cơ bản về lý luận địa chí văn hóa. Đặc trưng chủ yếu của địa chí văn hóa là tính địa dư, tính tổng hợp, tính khách quan, cô đọng, tính tư liệu, tính liên tục của địa chí văn hóa trên cơ sở so sánh với các thể loại khác như lịch sử, địa lý địa phương. Trong đó tính địa dư là đặc trưng nổi bật nhất của địa chí văn hóa.

Mục tiêu cơ bản của địa chí văn hóa góp phần nâng cao dân trí, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu và làm giàu thêm kho tàng văn hóa nhân loại, xây dựng nền văn hóa mới con người mới.

33. CLM 2016, Văn hóa dân gian Việt Nam, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết:* Không

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần Văn hóa dân gian Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về diễn trình, đặc trưng văn hóa của mỗi thời kỳ lịch sử; các vấn đề liên quan đến thành tố Tâm thức, nghệ thuật Tạo hình, Biểu diễn, Ứng xử trong văn hóa dân gian Việt Nam. Từ đó sinh viên biết đưa ra những giải pháp bảo tồn phát huy các loại hình văn hóa dân gian trong giai đoạn hiện nay.

IV. M4. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (52 tín chỉ)

IV.1. Các học phần bắt buộc (42)

34. CLM2017, Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 1 (3 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết:* Không

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiết chế văn hóa như khái niệm, chức năng và các hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ bản như Nhà văn hóa, Bảo tàng, Thư viện. Đây là những kiến thức căn bản giúp sinh viên ngành Quản lý văn hóa có cái nhìn toàn diện và cụ thể về lĩnh vực văn hóa mình quản lý.

35. CLM2018, Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 2 (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Môn học Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 2 là môn học chuyên ngành bắt buộc của sinh viên ngành quản lý văn hóa. Môn học có thời lượng 3 tín chỉ. Nội dung môn học gồm 2 chương, trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản nhất về quản lý trong lĩnh vực nghệ thuật. Trong đó, chương 1 bao gồm các khái niệm về hoạt động nghệ thuật, phân loại hoạt động nghệ thuật, giới thiệu các loại hình nghệ thuật (múa, nhạc, kiến trúc, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh, văn học, nhiếp ảnh), vai trò vị, vị trí của các loại hình nghệ thuật. Chương 2 bao gồm các kiến thức về tổ chức và quản lý với từng loại hình nghệ thuật cụ thể: múa, kiến trúc, sân khấu, mỹ thuật, văn học, điện ảnh, nhiếp ảnh... Đây là những kiến thức căn bản nhất, là hành trang cần thiết của những nhà quản lý văn hóa tương lai. Môn học giúp sinh viên hiểu được đối tượng mình quản lý, nắm được đặc điểm đối tượng mình quản lý và được trang bị kiến thức để quản lý các đối tượng đó.

36. CLM 2019, Quản lý dịch vụ văn hóa (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Quản lý dịch vụ văn hóa là môn học chuyên ngành mang tính bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản lý văn hóa trường Đại học Sư phạm Nghệ Thuật Trung ương. Môn học có thời lượng 2 tín chỉ, bao gồm 3 chương. Trong đó, chương 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về một số vấn đề về quy luật cung cầu, lý thuyết sản xuất và chi phối, lợi nhuận và sự vận dụng trong thị trường văn hoá; dịch vụ văn hoá: Khái niệm, đặc điểm, các loại hình dịch vụ và các tổ chức kinh doanh dịch vụ văn hoá; quản trị dịch vụ văn hoá, môi trường kinh doanh, các chức năng chiến lược cạnh tranh và vấn đề nhà quản trị dịch vụ văn hoá. Đây là khối kiến thức về quản trị và kinh tế học văn hóa rất thiết thực cho sinh viên quản lý văn hóa nói chung cũng như lĩnh vực hẹp của quản lý văn hóa là kinh doanh dịch vụ văn hóa.

37. CLM 2093, Quản lý di sản văn hóa (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Quản lý di sản văn hóa là môn học căn bản, thiết thực đối với sinh viên ngành Quản lý văn hóa. Môn học chiếm thời lượng 4 tín chỉ, là môn học mang tính bắt buộc của sinh viên ngành Quản lý văn hóa. Nội dung môn học cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, giá trị, cách phân loại di sản văn hóa và cơ sở pháp lý về bảo tồn, phát huy di sản văn hóa. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên cách nhìn khái quát về di sản văn hóa tại Việt Nam, từ đó giúp cho sinh viên thấy được thực trạng cũng như hiểu được nội dung của công tác quản lý di sản văn hóa. Trong đó:

Chương 1: Cung cấp hệ thống khái niệm về di sản và di sản văn hóa, giá trị của di sản văn hóa, cơ sở pháp lý về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

Chương 2: Giới thiệu về cách phân loại di sản văn hóa

Chương 3: Nêu lên thực trạng và những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý di sản tại Việt Nam; nguyên tắc và nội dung trong công tác quản lý di sản văn hóa; quy trình tổ chức, quản lý di sản văn hóa.

38. CLM2021, Quản lý văn hóa du lịch (3 tín chỉ))

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Khoa học quản lý mà đối tượng là văn hóa du lịch, là hoạt động quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương đối với lĩnh vực văn hóa du lịch; là hoạt động thực thi các văn bản pháp luật, quan điểm, đường lối của Nhà nước để điều chỉnh quan hệ trong lĩnh vực văn hóa và du lịch như ứng xử, chuyên môn, nghiệp vụ và dấu ấn của các thành tố văn hóa, các địa chỉ văn hóa, ... trong ngành du lịch.

39. CLM2022, Quản lý hoạt động quảng cáo (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Mục tiêu của môn học Quản lý hoạt động quảng cáo xác định sinh viên nghiên cứu sâu hệ thống lý thuyết, đồng thời trực tiếp tham gia khảo sát hoạt động quảng cáo ngoài xã hội. Qua thực tế chuyên môn, sinh viên nắm vững nội dung môn học rõ ràng, tỉ mỉ, chi tiết, từ đó có thái độ tích cực, chủ động đối với công tác quản lý văn hóa nói chung, quảng cáo.

Học môn *Quản lý hoạt động quảng cáo* sinh viên nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và nhà nước ta trong lĩnh vực quảng cáo bằng chức năng tuyên truyền, quảng bá sản phẩm trong bối cảnh nền kinh tế thị trường đang cạnh tranh quyết liệt. Môn học giải quyết vấn đề cần thiết trong ngành quản lý văn hóa đối với quảng cáo.

40. CLM2023 - Quản lý hoạt động biểu diễn (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Quản lý hoạt động biểu diễn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành, Môn học Quản lý hoạt động biểu diễn cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về hoạt động biểu diễn nói chung ở Việt Nam. Chức năng và vai trò của quản lý văn hóa trong lĩnh vực biểu diễn. Chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong định hướng lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nói chung, nghệ thuật biểu diễn nói riêng.

41. CLM 2024, Nghệ thuật thực hành (chọn 1 trong 3), (4 tín chỉ)

CLM 2024, Nghệ thuật thực hành Đàn (Đàn phím điện tử), (4 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Nghệ thuật thực hành (Đàn phím điện tử) sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về một số loại đàn phím điện tử của các hãng như Yamaha, Roland, Korg, Casio...; kiến thức, kỹ năng thực hiện các etude, tiểu phẩm trên đàn phím điện tử, với các bài của Việt Nam và nước ngoài; cách thức sử dụng các tính năng cơ bản của đàn phím điện tử khi thực hiện các bài tập, trình diễn, các hoạt động trong Quản lý văn hóa.

CLM 2024. Nghệ thuật thực hành (Múa), (4 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Môn học giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về nghệ thuật thực hành múa: Lịch sử, nét đặc trưng của từng dân tộc. Giúp sinh viên nắm bắt được chính xác về lý thuyết, các yếu tố động tác để thực hành chính xác các động tác cơ bản, từ đó biết cách dàn dựng các tổ hợp, tác phẩm múa ngắn. Môn học trang bị cho sinh viên những tri thức căn bản, từ đó sinh viên có thể tiếp tục ứng dụng những kiến thức đã học vào nhiều môn học khác trong chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa như: phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật.

CLM 2024. Nghệ thuật thực hành (Thanh nhạc), (4 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Trang bị những kiến thức chung bộ môn Thanh nhạc. Có kỹ năng về tư thế ca hát, khẩu hình ca hát, hơi thở trong ca hát. Sử dụng âm thanh tự nhiên kết hợp với kỹ thuật cơ bản của thanh nhạc, làm quen với phương pháp chuyển giọng; Vị trí âm thanh cộng minh, vận dụng các kỹ năng thể hiện các tác phẩm phù hợp với giọng hát, khả năng của từng SV.

42. CLM 2029, Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật, (4 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật bao gồm những kiến thức lý luận về phương pháp, xây dựng kế hoạch để tổ chức, dàn dựng một số loại hình chương trình nghệ thuật mang tính tổng hợp; cách thức dàn dựng tiết mục nghệ thuật thuộc thể loại Ca, Múa, Nhảy, Nhạc, Kịch... với nhiều hình thức trình diễn khác nhau; các kỹ năng trình diễn nghệ thuật; những kiến thức cơ bản về thiết kế, lựa chọn âm nhạc, múa, tiểu phẩm, trực quan, âm thanh, ánh sáng, trang phục, đạo cụ, sân khấu...; các nội dung hỗ trợ cho đạo diễn, dàn dựng, trình diễn chương trình nghệ thuật.

43. CLM2030, Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: CLM2014, Chính sách văn hóa, (03 tín chỉ)*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại văn bản nói chung và Văn bản quản lý nhà nước nói riêng; hiểu được thế nào là Văn bản quản lý nhà nước, Văn bản hành chính, Văn bản quy phạm pháp luật, Văn bản chuyên môn kỹ thuật...

Hiểu và vận dụng để soạn thảo, tham mưu xây dựng các loại văn bản: Văn bản quản lý nhà nước, Văn bản hành chính, Văn bản quy phạm pháp luật, Văn bản chuyên môn kỹ thuật...

Thực hiện tốt công tác phân tích, lưu trữ, khai thác các loại văn bản: Văn bản quản lý nhà nước, Văn bản hành chính, Văn bản quy phạm pháp luật, Văn bản chuyên môn kỹ thuật...

44. CLM 2032, Các vùng văn hóa ở Việt Nam (02 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khái niệm, thuật ngữ không gian vùng văn hóa, Đánh giá các trường phái lý thuyết về vùng văn hóa trên thế giới và Việt Nam, Nắm vững hệ thống phân vùng văn hóa ở Việt Nam. Biết chi tiết các vùng thể loại với những đặc trưng của nó.

45. CLM2088, Tổ chức sự kiện (03 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên công cụ và phương pháp có thể tổ chức các sự kiện bài bản, chuyên nghiệp, kiến thức cơ bản về hoạt động tổ chức sự kiện, các bước, thao tác tổ chức một sự kiện. Đây là mảng kiến thức thiết thực và cần thiết với đời sống hiện tại, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ văn hóa, văn hóa nghệ thuật. Khi tiếp cận học phần này sinh viên được học và thực hành dự toán ngân sách, lập kế hoạch tổ chức sự kiện, quản lý - tổ chức một số sự kiện liên quan đến lĩnh vực dịch vụ văn hóa, văn hóa du lịch và văn hóa nghệ thuật.

46. CLM2092 - Xã hội học văn hóa (02 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: CLM2003, Văn hóa học đại cương, (02 tín chỉ)

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Xã hội học văn hóa cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản bao gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học văn hóa, mối quan hệ với một số chuyên ngành xã hội học và một số ngành khoa học khác cũng nghiên cứu về văn hóa. Nội dung một số khái niệm và lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu xã hội học văn hóa. Cung cấp những kiến thức về phương pháp, kỹ thuật cơ bản của xã hội học mà các nhà nghiên cứu sử dụng trong nghiên cứu (quan sát, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu...) nhằm làm sáng tỏ bản chất, các đặc trưng, xu hướng và tính quy luật và quá trình biến động của văn hóa.

47. CLM 2035 - Marketing văn hóa nghệ thuật, (03 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Marketing VHNT cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về marketing văn hóa nghệ thuật, Có được những khái niệm chính của marketing văn hoá nghệ

thuật. Nghiên cứu về thị trường và nghiên cứu thị trường VHNT, lập kế hoạch marketing VHNT, và các công cụ marketing VHNT. Từ đó xây dựng kế hoạch marketing cho một tổ chức văn hoá nghệ thuật.

48. CLM 2043 - Xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, (03 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: CLM 2001, Cơ sở văn hóa Việt Nam, (03 tín chỉ)*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản như: Khái niệm, mục tiêu, nội dung cơ bản của việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; Các mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, các hoạt động văn hóa ở cơ sở;

Học phần đã đưa ra những kiến thức khái quát về lối sống, nếp sống; Phong tục tập quán; Văn hóa làng; Gia đình và các chức năng cơ bản của gia đình... Đặc biệt học phần giúp sinh viên trang bị tốt một số vấn đề về các nguyên tắc, quy định, thông tư của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội... Từ đó giúp sinh viên nhận thức đầy đủ nguyên lý cấu thành, xu hướng phát triển để ứng dụng trong đời sống văn hóa ở các địa phương trong cả nước.

49. CLM 2038 - Quản lý dự án văn hoá (02 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần chiếm thời lượng 2 tín chỉ, là môn học mang tính bắt buộc của sinh viên ngành Quản lý văn hóa. Học phần này giúp sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản trong dự án văn hóa và lý thuyết xây dựng dự án văn hóa. Học phần trình bày chi tiết các bước xây dựng một dự án văn hóa, trình bày và phân tích các nội dung quản lý dự án văn hóa. Từ đó giúp cho sinh viên có thể vận dụng xây dựng và quản lý dự án văn hóa nói chung và dự án văn hóa nghệ thuật nói riêng.

IV.2. Các học phần tự chọn 10/20

50. CLM2039, Ngoại giao văn hóa (02 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: CLM2010, Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam, (2 tín chỉ)*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Ngoại giao văn hóa là môn học mới được cập nhật với xu thế đào tạo hiện nay của

các trường Đại học thuộc khối Khoa học Xã hội và Nhân văn và Văn hóa Nghệ Thuật. Môn học chiếm thời lượng 2 tín chỉ và thuộc khối những môn học tự chọn. Môn học này trang bị cho sinh viên tri thức nhằm xử dụng sức mạnh mềm của văn hóa trong công tác ngoại giao. Người đi tiên phong trong công tác này chính là chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì vậy, môn học này còn có một tên gọi khác là tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao văn hóa. Vì tư tưởng của Hồ Chí Minh được coi như kim chỉ nam soi đường cho các chính sách ngoại giao bằng văn hóa của Việt Nam. Môn học gồm 5 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm tư tưởng ngoại giao văn hóa của Hồ Chí Minh. Chương 2 giới thiệu cho sinh viên cơ sở hình thành tư tưởng ngoại giao văn hóa của Hồ Chí Minh. Chương 3 giới thiệu cho sinh viên các giai đoạn hình thành tư tưởng ngoại giao văn hóa của Hồ Chí Minh. Chương 4 giới thiệu về nội dung ngoại giao văn hóa của Hồ Chí Minh. Chương 5 cung cấp cho sinh viên kiến thức về việc vận dụng và phát triển tư tưởng ngoại giao văn hóa của Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

51. CLM 2040, Huy động tài trợ, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết:* Không

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn Huy động tài trợ là môn học quan trọng được cập nhật phù hợp với xu thế đào tạo hiện nay của các trường đại học thuộc khối Khoa học Xã hội Nhân văn và Văn hóa Nghệ Thuật. Môn học chiếm thời lượng 2 tín chỉ và thuộc khối môn học tự chọn. Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức nhằm giúp cho các bạn rèn luyện kỹ năng về cách lên kế hoạch cho các dự án văn hóa và quy trình huy động, vận động tài trợ nhằm thực hiện tốt công tác quản lý thực hiện các dự án văn hóa nghệ thuật như: Xây dựng được kế hoạch xin tài trợ, huy động nguồn ngân sách và tự tin lập kế hoạch/ các dự án văn hóa 1 cách hiệu quả; quản lý được những rủi ro về tài chính, điều hành dự án 1 cách bài bản và chuyên nghiệp trong vai trò cán bộ quản lý văn hóa trong tương lai. Môn học gồm 3 chương, trong đó chương 1 là chương kiến thức cơ bản về huy động tài trợ: Tổng quan về huy động tài trợ; chương 2: quy trình huy động tài trợ; chương 3: một số hình thức huy động tài trợ.

52. CLM2041, Thiết kế sân khấu, phục trang, (4 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết:* Không

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học *Thiết kế sân khấu, phục trang* cung cấp cho sinh viên ngành Quản lý văn hóa những kiến thức tổng quan về thiết kế sân khấu, liên quan chặt chẽ đến chức năng biểu diễn của từng loại hình nghệ thuật. Khái niệm sân khấu có nguồn gốc cách đây hàng ngàn năm, quá trình phát triển nghệ thuật biểu diễn nảy sinh ngành thiết kế sân khấu với xu hướng đa dạng trong xây dựng cảnh trí nhằm đạt hiệu quả thẩm mỹ. Sân khấu là không gian đặc thù, môi trường tạo nên hành động biểu diễn của con người. Học môn *Thiết kế sân khấu, phục trang*, sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản lĩnh vực thiết kế sân khấu, từ ý tưởng đến phương pháp, cách nhìn nhận kịch bản văn học, nhân vật với nhiều thủ pháp thiết kế cho hoạt động sân khấu. Từ đó sinh viên hiểu rõ sự khác biệt trong thiết kế sân khấu ca múa nhạc nói chung, nhạc nhẹ, đương đại, dân gian nói riêng. Đồng thời, sinh viên cũng nắm được thiết kế sân khấu kịch hát truyền thống (Chèo, Tuồng, Cải lương) như thủ pháp tạo hình tượng, cảnh trí, đạo cụ, diễn xuất. Các đặc điểm của sân khấu trình diễn thời trang, sân khấu truyền hình được trình bày trong môn học, giúp sinh viên nắm rõ cách tạo bối cảnh trong studio (trường quay) theo chủ đề chương trình.

Môn học *Thiết kế sân khấu, phục trang* trang bị cho sinh viên kiến thức chung về thiết kế phục trang sân khấu, một nội dung mới nhưng cần thiết trong chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa thông qua vai trò tạo hình tượng, tính cách nhân vật, tạo tính thẩm mỹ, giá trị văn hóa, xây dựng hình ảnh con người, hình thức chuyển tải nội dung, ý nghĩa vở diễn, chương trình nghệ thuật. Môn học tăng cường kiến thức về mối quan hệ giữa phục trang với ánh sáng và đặc điểm sân khấu, tầm quan trọng của phục trang trong biểu diễn ca múa nhạc, vở diễn truyền thống (Chèo, Tuồng, Cải lương), tính biểu trưng nhân vật.

Mục tiêu môn học *Thiết kế sân khấu, phục trang* hướng đến ứng dụng vào dàn dựng chương trình nghệ thuật trong chương trình đào tạo ngành QLVH, từ đó sinh viên nắm vững phương pháp thiết kế, bài trí sân khấu đem đến hiệu quả cao. Đồng thời sinh viên có thể liên hệ với tình hình sân khấu trong thực tiễn hiện nay.

Phần cuối của môn học cung cấp cho sinh viên khả năng đánh giá, phân biệt trình độ thiết kế sân khấu từng loại hình nghệ thuật đang biểu diễn. Giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm, khả năng sáng tạo trong thiết kế sân khấu, từ đó có thể hoạt động độc lập, chủ động hoặc làm việc theo nhóm được phân công để hoàn thành nhiều mục đích khác nhau trong tổ chức, tham gia biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, không chuyên nghiệp.

53. CLM 2042, *Quan hệ công chúng, (2 tín chỉ)*

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Quan hệ công chúng là môn học cần thiết được cập nhật với xu thế đào tạo hiện nay của các trường Đại học thuộc khối Kinh tế; Khoa học Xã hội và Nhân văn và khối ngành Văn hóa Nghệ Thuật. Môn học chiếm thời lượng 02 tín chỉ và thuộc khối những môn học tự chọn. Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức nhằm giúp cho các em có thể nắm bắt tổng quan về công tác truyền thông, cách thức lập kế hoạch truyền thông, quan hệ với báo chí và tổ chức các chương trình sự kiện, quản lý rủi ro truyền thông... Môn học gồm 7 chương, trong đó chương 1: Tổng quan về PR; chương 2: Lập kế hoạch PR; chương 3: Thực thi giao tiếp; chương 4: Quan hệ báo chí; chương 5: Sự kiện và tài trợ; chương 6: Quản lý khủng hoảng; chương 7: Hoạt động PR trong kinh doanh.

54. CLM 2043, Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể là một môn học cần thiết được cập nhật với xu thế đào tạo hiện nay của các trường Đại học thuộc khối Khoa học Xã hội và Nhân văn và Văn hóa Nghệ Thuật. Môn học chiếm thời lượng 02 tín chỉ và thuộc khối những môn học tự chọn. Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức nhằm giúp cho các em có được sự tự tin khi đứng trước đám đông và có những kỹ năng trong công tác tổ chức các hoạt động tập thể. Môn học gồm 7 chương, trong đó chương 1 là chương kiến thức cơ bản về việc Tìm hiểu nghệ thuật diễn giảng ; chương 2 tìm hiểu về Các kỹ năng trong nghệ thuật diễn giảng; chương 3 giúp sinh viên Thực hành các nội dung của nghệ thuật diễn giảng nhằm tăng cường khả năng thực hành thuyết trình với các chủ đề bốc thăm; chương 4 sinh viên làm quen với Các hình thức tổ chức sinh hoạt tập thể; chương 5 là Các hoạt động tổ chức câu lạc bộ trên thế giới và ở Việt Nam; chương 6 Tìm hiểu về một số hoạt động sân chơi nghệ thuật giải trí thực tế và truyền hình; chương 7 là chương Sáng tạo sân chơi giúp sinh viên tăng cường khả năng sáng tạo và có tư duy trong tổ chức chương trình.

55. CLM 2044, Phát triển văn hóa cộng đồng, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học giúp sinh viên nắm được các tổ chức cộng đồng ở Việt Nam như cộng đồng tôn giáo, cộng đồng địa lý hay cộng đồng chức năng... mỗi cộng đồng sẽ có những đặc điểm riêng mà những người làm công tác văn hóa cần phải biết tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công tác sau này.

Môn học này sẽ hướng dẫn sinh viên cách tổ chức, thực hiện và quản lý các hoạt động văn hóa cộng đồng, sinh viên được tham gia trực tiếp vào các hoạt động văn hóa trong thời lượng của môn học.

Môn học này gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về phát triển văn hóa cộng đồng

Chương 2: Tổ chức các hoạt động văn hóa trong cộng đồng

Chương 3: Quản lý các hoạt động văn hóa trong cộng đồng

56. Truyền thông đại chúng, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Môn học *Truyền thông đại chúng* cung cấp cho sinh viên ngành Quản lý văn hóa những kiến thức tổng quan về khái niệm, thuật ngữ truyền thông và truyền thông đại chúng. Quá trình hình thành, sự xuất hiện các phương tiện truyền thông đại chúng qua các giai đoạn lịch sử khác nhau theo cấu trúc xã hội, từ nông nghiệp, công nghiệp tới xã hội thông tin hiện đại đầu thế kỷ XXI. Qua đó, sinh viên hiểu rõ mối quan hệ giữa thông tin và truyền thông, những tác động, ảnh hưởng truyền thông đối với xã hội, hiệu quả truyền thông đại chúng trong đời sống sinh hoạt, văn hóa của người dân hiện nay.

57. CLM 2046, Các ngành công nghiệp văn hóa, (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các ngành công nghiệp văn hóa như khái niệm, quy trình sáng tạo – phân phối của công nghiệp văn hóa, đặc điểm, vai trò của các ngành đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bối cảnh, xu thế phát triển của công nghiệp văn hóa và chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của một số nước, bên cạnh đó, môn học đi vào giới thiệu và phân tích một số ngành công nghiệp văn hóa trên thế giới và Việt Nam.

58. Văn hóa gia đình và văn hóa giao tiếp, (2 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Nội dung môn học Văn hóa gia đình và Văn hóa giao tiếp trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về gia đình và văn hóa gia đình bao gồm: bản chất khái niệm, lịch sử hình thành, quá trình phát triển của gia đình. Các vấn đề lý luận cơ bản khác như cơ cấu, chức năng, quy mô, cấu trúc, loại hình gia đình... Những nét cơ bản trong Văn hóa gia đình truyền thống Việt Nam. Thực trạng và xu hướng biến đổi của gia đình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Những vấn đề đặt ra trong công tác gia đình ở Việt Nam và những cơ sở pháp lý để thực hiện.

Học phần còn giới thiệu cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp và văn hóa giao tiếp bao gồm: hệ thống khái niệm, vai trò, chức năng, nguyên tắc, nội dung, hình thức, quá trình và các kỹ năng giao tiếp. Cơ sở văn hóa xã hội hình thành nên đặc điểm giao tiếp của người Việt. Các đặc trưng văn hóa giao tiếp của người Việt Nam. Những vấn đề đặt ra trong vấn đề giao tiếp hiện nay ở Việt Nam. Đó là những kiến thức bổ ích góp phần hỗ trợ cho sinh viên trong các hoạt động quản lý văn hóa tại các cơ sở văn hóa trong cả nước.

V.M5. KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẬP (6 tín chỉ)

59. CLM 2048, Thực tập giữa khóa, (3 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Hoàn thành các học phần theo quy định*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Thực tập giữa khóa giúp sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn thông qua các hoạt động nghề nghiệp tại cơ sở thực tập. Cụ thể, nội dung của quá trình thực tập giữa khóa như sau:

- Tìm hiểu bộ máy quản lý, cơ chế hoạt động của cơ sở thực tập; các đặc điểm hoạt động trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, xã hội, giáo dục...

- Phân tích, đánh giá quá trình quản lý nghiệp vụ văn hoá nghệ thuật tại cơ sở, gồm:

- + Hệ thống, cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập

- + Đội ngũ cán bộ, trình độ chuyên môn của cán bộ văn hóa ở đơn vị thực tập

- + Vai trò cán bộ văn hóa, năng lực của những người có kinh nghiệm xây dựng phong trào văn hóa tại cơ sở.

- + Đặc điểm mô hình văn hóa, hoạt động nghệ thuật của cơ sở thực tập

- + Quy trình xây dựng nghiệp vụ văn hóa, nghệ thuật

Tóm lại, qua quá trình thực tập giữa khóa, sinh viên áp dụng những nội dung kiến thức đã học vào thực tiễn công tác quản lý văn hóa, nghệ thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trang bị cho sinh viên kiến thức vững vàng cả về lý thuyết và thực hành sau khi ra trường.

60. CLM 2049, Thực tập tốt nghiệp, (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Thực tập giữa khóa

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Thực tập giữa khóa giúp sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn thông qua các hoạt động nghề nghiệp tại cơ sở thực tập. Cụ thể, nội dung của quá trình thực tập giữa khóa như sau:

- Tìm hiểu bộ máy quản lý, cơ chế hoạt động của cơ sở thực tập; các đặc điểm hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, xã hội, giáo dục...

- Phân tích, đánh giá quá trình quản lý nghiệp vụ văn hóa nghệ thuật tại cơ sở, gồm:

- + Hệ thống, cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập

- + Đội ngũ cán bộ, trình độ chuyên môn của cán bộ văn hóa ở đơn vị thực tập

- + Vai trò cán bộ văn hóa, năng lực của những người có kinh nghiệm xây dựng phong trào văn hóa tại cơ sở.

- + Đặc điểm mô hình văn hóa, hoạt động nghệ thuật của cơ sở thực tập

- + Quy trình xây dựng nghiệp vụ văn hóa, nghệ thuật

- + Phương pháp tổ chức hoạt động văn hóa, phương pháp quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật tại cơ sở

- + Những chương trình biểu diễn nghệ thuật

Tham gia trực tiếp vào hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật theo chỉ đạo, điều hành giữa khoa VHNT và cơ sở thực tập. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong thực tập.

Qua quá trình thực tập tốt nghiệp, sinh viên áp dụng những nội dung kiến thức đã học vào thực tiễn công tác quản lý văn hóa, nghệ thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trang bị cho sinh viên kiến thức vững vàng cả về lý thuyết và thực hành sau khi ra trường, giúp sinh viên có thể giải quyết các vấn đề gặp phải trong quá trình thực tập tại cơ sở.

VI.M6. KHỐI KIẾN THỨC CUỐI KHÓA (10/20 tín chỉ)

61. CLM 2050, Khóa luận, (10 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Hoàn thành các học phần theo quy định*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Sinh viên vận dụng những kiến thức tổng hợp để có thể nhận diện vấn đề nghiên cứu, triển khai các bước nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực Quản lý văn hóa. Từ đó nêu được bối cảnh, cơ sở lý luận, thực trạng và đưa ra các hướng giải pháp nhằm bảo tồn phát huy, cũng như giải pháp phát triển của các vấn đề nghiên cứu phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội.

Học phần thay thế khóa luận: 10 tín chỉ

62. CLM 2051, Lý luận văn hóa, (10 tín chỉ)

+ *Học phần tiên quyết: Hoàn thành các học phần theo quy định*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học về lý luận Quản lý văn hóa để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý văn hóa. Từ đó, đề xuất các giải pháp phù hợp với thực tiễn.

63. CLM 2052, Chương trình biểu diễn nghệ thuật, (5 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Hoàn thành các học phần theo quy định

+ Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học về lý luận về phương pháp, xây dựng kế hoạch để tổ chức, dàn dựng một số loại hình chương trình nghệ thuật mang tính tổng hợp; cách thức dàn dựng tiết mục nghệ thuật thuộc thể loại Ca, Múa, Nhảy, Nhạc, Kịch... với nhiều hình thức trình diễn khác nhau; các kỹ năng trình diễn nghệ thuật; những kiến thức cơ bản về thiết kế, lựa chọn âm nhạc, múa, tiểu phẩm, trực quan, âm thanh, ánh sáng, trang phục, đạo cụ, sân khấu...; các nội dung hỗ trợ cho đạo diễn, dàn dựng, trình diễn chương trình nghệ thuật.

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

4.1. Về tiến trình đào tạo

Người quản lý đào tạo căn cứ Khung chương trình để sắp xếp lịch học toàn khóa và thời khóa biểu mỗi học kỳ, cho sinh viên đăng kí môn học, vì tại đó đã ghi rõ tên khối kiến thức, tên môn học, số tín chỉ, loại giờ tín chỉ, môn tiên quyết nhằm đảm bảo được tính logic về quá trình nhận thức, đảm bảo được khối lượng kiến thức, thời lượng học tập hợp lý cho mỗi học kỳ, theo quy định của Quy chế.

Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý văn hóa được tổ chức triển khai theo mô hình đào tạo kết hợp. Toàn bộ chương trình được triển khai thực hiện với sự phối hợp giữa trường ĐHSP Nghệ thuật TW và các đơn vị tham gia đào tạo theo sự phân công của trường.

Dự kiến tiến trình đào tạo toàn khóa theo học kỳ:

S TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
I	M1	Khối kiến thức chung (M1)	27								
1	POL2009	Triết học Mác – Lê nin	3	*							
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2		*						
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			*					
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				*				
5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					*			
6	INF2001	Tin học cơ bản	2					*			
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	*							
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3		*						
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	*							
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3		*						
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2			*					
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng									
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18								
II.1		Các môn học bắt buộc	13								

13	CLM2005	Tin học chuyên ngành	2						*		
14	CFL2007	Tiếng Anh chuyên ngành	2							*	
15	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2						*		
16	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		*						
17	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2				*				
18	CLM2003	Văn hóa học đại cương	2	*							
II.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	5/9								
19	CLM2006	Mỹ học	2		*						
20	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3		*						
21	CFL2008	Tiếng Việt thực hành	2								
22	CLM2007	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2								
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	19								
III.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	13								
23	CLM2008	Đại cương các loại hình nghệ thuật 1 (<i>Múa + Âm nhạc</i>)	3	*							
24	CLM2009	Đại cương các loại hình nghệ thuật 2 (<i>Sân khấu + Mỹ thuật</i>)	3			*					
25	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2			*					
26	CLM2011	Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa	3		*						

27	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2			*					
III.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	6/12								
28	CLM2012	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á	2								
29	CLM2013	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2								
30	CLM2002	Nhân học văn hóa	2					*			
31	CLM2014	Chính sách văn hóa	2		*						
32	CLM2015	Địa chí văn hóa Việt Nam	2								
33	CLM2016	Văn hóa dân gian Việt Nam	2				*				
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	52								
IV.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	42								
34	CLM2017	Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 1	3			*					
35	CLM2018	Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 2	3				*				
36	CLM2019	Quản lý dịch vụ văn hóa	2						*		
37	CLM2093	Quản lý di sản văn hóa	3					*			
38	CLM2021	Quản lý văn hóa du lịch	2					*			
39	CLM2022	Quản lý hoạt động quảng cáo	2				*				
40	CLM2023	Quản lý hoạt động biểu diễn	2				*				
41	CLM2024	Nghệ thuật thực hành	4					*			

42	CLM2029	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	4							*	
43	CLM2030	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	2				*				
44	CLM2032	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	2			*					
45	CLM2088	Tổ chức sự kiện	3							*	
46	CLM2092	Xã hội học văn hóa	2			*					
47	CLM2035	Marketing văn hóa nghệ thuật	3							*	
48	CLM2037	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	3							*	
49	CLM2038	Quản lý dự án văn hóa	2							*	
IV.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	10/20								
50	CLM2039	Ngoại giao văn hóa	2								
51	CLM2040	Huy động tài trợ	2						*		
52	CLM2041	Thiết kế sân khấu, phục trang	4								
53	CLM2042	Quan hệ công chúng	2						*		
54	CLM2043	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể	2				*				
55	CLM2044	Phát triển văn hóa cộng đồng	2						*		
56	CLM2045	Truyền thông đại chúng	2								
57	CLM2046	Các ngành công nghiệp văn hóa	2					*			
58	CLM2047	Văn hóa gia đình và Văn hóa giao tiếp	2								
V	M5	Khối kiến thức thực tập	6								

59	CLM2048	Thực tập giữa khóa	3						*		
60	CLM2049	Thực tập tốt nghiệp	3								*
VI	M6	<i>Khối kiến thức cuối khóa</i>	<i>10/20</i>								
61	CLM2050	Khóa luận	10								*
		<i>Môn thay thế khóa luận</i>	10								
62	CLM2051	Lý luận văn hóa	5								*
63	CLM2052	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	5								*
Tổng cộng			132	14	21	18	17	17	15	17	13

Căn cứ vào tình hình cụ thể, nhà trường có thể điều chỉnh kế hoạch đào tạo từng học kỳ một cách hợp lý theo đúng Quy chế.

4.2. Về các môn học tiên quyết

Trong khi kế hoạch đào tạo của ngành Quản lý văn hóa được duyệt chuẩn chung với kế hoạch chung của toàn trường, cần lưu ý các môn học tiên quyết (đã ghi trong khung chương trình) để việc đăng ký môn học của sinh viên cũng như tổ chức đào tạo được thuận lợi, đúng tiến độ.

4.3. Về các môn học tự chọn

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý văn hóa được sắp xếp gồm các môn học bắt buộc và tự chọn. Căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và khả năng, điều kiện cụ thể của đơn vị, Trường Khoa sẽ định hướng sinh viên trong việc lựa chọn các môn học thuộc nhóm các môn học tự chọn. Việc định hướng này được thực hiện vào đầu năm học. Người quản lý đào tạo cần chú ý điều chỉnh số lượng sinh viên đăng ký lựa chọn mỗi môn học để tránh tổ chức những môn lựa chọn có quá ít người học.

4.4. Chỉ dẫn dành cho cán bộ quản lý đào tạo/cố vấn học tập

Việc lựa chọn, bố trí các môn học cho từng học kỳ được thực hiện dựa trên các nguyên tắc:

- Tổng số tín chỉ trong một học kỳ không vượt quá mức quy định trong Quy chế đào tạo hiện hành.
- Đảm bảo yêu cầu về môn học tiên quyết như đã xác định trong Khung chương trình đào tạo.
- Phù hợp với điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất.
- Phù hợp với kế hoạch đào tạo chung của toàn trường.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy tín chỉ của sinh viên.

5. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế tham khảo

- Chương trình ngành Quản lý văn hóa của Đại học Văn hóa Hà Nội.
- Chương trình ngành Quản lý văn hóa trường Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh.
- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý văn hóa của Đại học Humak, Phần Lan. Đào tạo theo tín chỉ (Culture

Management Curriculum 2018-2024 - Humak - University of Applied Sciences)

<https://opiskelijanopas.humak.fi/wp-content/uploads/sites/5/2021/08/Cultural-management-CURRICULUM-2018-2024.pdf>

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý văn hóa của Đại học Hồng Kông. Đào tạo theo tín chỉ (Culture Management Programme)

<https://www.arts.cuhk.edu.hk/cumt/programme/undergraduate/course-list/>

PHẦN IX: GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	M1	Khối kiến thức chung	27					
1	POL2009	Triết học Mác – Lê nin	3	1. Đinh Văn Hoàng 2. Phạm Ngọc Anh		ThS ThS	Triết học CNXHKKH	
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	1. Nguyễn Thị Huyền 2. Trịnh Anh Tuấn		ThS TS	KTCT Kinh tế	
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. Đinh Văn Hoàng 2. Phạm Ngọc Anh		ThS ThS	Triết học CNXHKKH	
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Phạm Ngọc Anh 2. Mai Thanh Hồng		ThS ThS	CNXHKKH Lịch sử	
5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. Mai Thanh Hồng 2. Phạm Ngọc Anh		ThS ThS	Lịch sử CNXHKKH	
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	1. Bùi Ngọc Hưng 2. Vũ Việt Hoàng 3. Dương Thanh Long		1.ThS-2015 2.ThS-2021 3. ThS -2017	1.Quản lý Giáo dục 2.Công nghệ thông tin 3.Khoa học máy tính	
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà		1. ThS-2015 2. ThS-2011 3. TS -2017 4. TS -2017	1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh 2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. 4. Tiến sỹ Quản lý giáo dục.	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
				5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tổ Loan 9. Phạm Thị Lý		5. ThS-2016 6. ThS-2007 7. ThS-2014 8. TS-2021 9. ThS-2016	5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục 9. Ngôn ngữ Anh	
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tổ Loan 9. Phạm Thị Lý		1. ThS-2015 2. ThS-2011 3. TS -2017 4. TS-2017 5. ThS- 2016 6. ThS-2007. 7. ThS -2014 8. TS-2021 9. ThS -2016	1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh 2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. 4. Tiến sỹ Quản lý giáo dục. 5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	1. Phạm Minh Tuấn 2. Bùi Thị Ánh Tuyết 3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm 5. Lê Việt Hùng		1. ThS 2. ThS 3. ThS 4. ThS 5. ThS 6. ThS	1. Quản lý giáo dục 2. Giáo dục học 3. GDTC 4. GDTC 5. GDTC 6. Giáo dục học	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
				6. Phạm Thị Huyền Trang				
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3	1. Phạm Minh Tuấn 2. Bùi Thị Ánh Tuyết 3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm 5. Lê Việt Hùng 6. Phạm Thị Huyền Trang		1.ThS 2.ThS 3.ThS 4.ThS 5.ThS 6.ThS	1.Quản lý giáo dục 2.Giáo dục học 3.GDTC 4.GDTC 5.GDTC 6.Giáo dục học	
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	1.Nguyễn Thị Thanh Thủy 2. Lê Thị Nguyên		ThS ThS	Luật học Luật học	
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng						
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18					
II.1	M2	Các học phần bắt buộc	13					
13	CLM2005	Tin học chuyên ngành	2	1. Lương Minh Tân 2. Vũ Việt Hoàng		ThS.2011 ThS-2021	1. Nghệ thuật âm nhạc 2. Công nghệ thông tin	
14	CFL2007	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1. Nguyễn Thị Ân		1. ThS-2015 2. ThS -2011	1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
				2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tố Loan 9. Phạm Thị Lý		3. TS-2017 4. TS -2017 5. ThS -2016 6. ThS -2007 7. ThS-2014 8. TS-2021 9. ThS -2016	2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. 4. Tiến sỹ Quản lý giáo dục. 5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	
15	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. Lương Thị Thanh Hải 2. Nguyễn Mai Hương 3. Đỗ Ánh Tuyết 4. Nguyễn Quỳnh Trang		1.TS 2.TS 3.ThS 4.ThS	1.TLH 2.TLH 3.TLH 4.TLH	
16	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	1. Hoàng Công Dụng 2. Nguyễn Thị Thanh Loan 3. Tráng Thị Thúy 4. Vũ Thị Thái Hoa 5. Nông Thị Thanh Thúy 6. Nguyễn Đức Hoàng		TS - 2019 TS - 2020 ThS- 2010 ThS- 2013 ThS-2010 TS, 2019	Quản lý văn hóa Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
17	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2	1.Vũ Thị Thái Hoa 2. Đào Thị Thủy Tiên		ThS- 2013 ThS-2010	Văn hóa học Văn hóa học	
18	CLM2003	Văn hóa học đại cương	2	1. Hoàng Công Dụng 2.Nguyễn T.Thanh Loan 3. Tráng Thị Thúy		TS - 2019 TS-2020 ThS- 2010	Quản lý văn hóa Văn hóa học Văn hóa học	
		<i>Các học phần tự chọn</i>	5/9					
19	CLM2006	Mỹ học	2	1. Trần Vĩnh Khương 2. Nguyễn Thị Thanh Mai		ThS- 2008 ThS-2010	Âm nhạc Văn hóa học	
20	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	Novaedu				
21	CFL2008	Tiếng Việt thực hành	2	1. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh 2. Hoàng Bích Hậu				
22	CLM2007	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2	1. Hoàng Công Dụng 2. Nguyễn Hữu Thức 3.Nguyễn T. Thanh Loan 4. Tráng Thị Thúy	PGS.TS - 2011	TS - 2019 TS - 2020 ThS - 2010	Quản lý văn hóa Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	19					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
III. 1		Các môn học bắt buộc	18					
23	CLM2008	Đại cương các loại hình nghệ thuật 1 (Múa + Âm nhạc)	3	1. Lý Minh Huệ 2. Nguyễn Đức Hoàng 3. Phạm Ngọc Thùy		ThS- 2013 TS- 2019 ThS- 2016	Văn hóa học Văn hóa học Nghệ thuật sân khấu	
24	CLM2009	Đại cương các loại hình nghệ thuật 2 (Sân khấu + Mỹ thuật)	3	1. Phạm Ngọc Thùy 2. Quách Thị Ngọc An	PGS.TS	ThS-2016	Nghệ thuật sân khấu	
25	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. Nguyễn T. Thanh Loan 2. Vũ Thị Thái Hoa		TS - 2020 ThS-2013	Văn hóa học Văn hóa học	
26	CLM2011	Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa	3	1. Bùi Hồng Hạnh 2. Tráng Thị Thúy		ThS-2013 ThS -2010	Văn hóa học Văn hóa học	
27	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2	1. Đỗ Ánh Tuyết 2. Nguyễn Quỳnh Trang 3. Lương Thanh Hải 4. Nguyễn Mai Hương 5. Nguyễn Thị Duyên		ThS ThS TS TS ThS	TLH TLH TLH TLH TLH	
III. 2		Các môn học tự chọn	6/12					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
28	CLM2012	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á	2	1. Nguyễn T. Thanh Loan 2. Lý Minh Huệ		TS, 2020 ThS, 2013	Văn hóa học Văn hóa học	
29	CLM2013	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	1. Tráng Thị Thúy 2. Nguyễn Đức Hoàng		ThS-2010 TS-2019	Văn hóa học Văn hóa học	
30	CLM2002	Nhân học văn hóa	2	1. Nguyễn Hữu Thức 2. Nguyễn T. Thanh Loan 3. Nguyễn Đức Hoàng	PGS.TS-2019	TS-2020 TS-2019	Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	
31	CLM2014	Chính sách văn hóa	3	1. Hoàng Công Dụng 2. Đào Thị Thủy Tiên		TS-2019 ThS-2016	Quản lý văn hóa Quản lý Văn hóa	
32	CLM2015	Địa chí văn hóa Việt Nam	2	1. Tráng Thị Thúy 2. Nguyễn Đức Hoàng		ThS – 2010 TS-2019	Văn hóa học Văn hóa học	
33	CLM2016	Văn hóa dân gian Việt Nam	2	1. Tráng Thị Thúy 2. Vũ Thị Thái Hoa		ThS-2010 ThS- 2013	Văn hóa học Văn hóa học	
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	52					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
IV.1		Các môn học bắt buộc	42					
34	CLM2017	Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 1	3	1. Nông Thị Thanh Thúy 2. Đào Thị Thủy Tiên		ThS-2010 ThS- 2016	Văn hóa học Quản lý văn hóa	
35	CLM2018	Quản lý thiết chế và hoạt động văn hóa nghệ thuật 2	3	1. Đào Thị Thủy Tiên 2. Nguyễn Hữu Thức	PGS.TS-2019	ThS-2016	Quản lý văn hóa Văn hóa học	
36	CLM2019	Quản lý dịch vụ văn hóa	3	1. Đào Thị Thủy Tiên 2. Tráng Thị Thúy		ThS-2016 ThS-2010	Quản lý văn hóa Văn hóa học	
37	CLM2093	Quản lý di sản văn hóa	3	1. Vũ Thị Thái Hoa 2. Nông Thị Thanh Thúy		ThS - 2013 ThS-2010	Văn hóa học Văn hóa học	
38	CLM2021	Quản lý văn hóa du lịch	3	1. Nguyễn Thị Thanh Loan 2. Nguyễn Thị Thùy Linh		TS - 2020 ThS- 2021	Văn hóa học Du lịch	
39	CLM2022	Quản lý hoạt động quảng cáo	2	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Đào Thị Thủy Tiên		ThS - 2014 ThS-2016	Quản lý giáo dục Văn hóa học	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
40	CLM2023	Quản lý hoạt động biểu diễn	2	1. Lý Minh Huệ 2. Đào Thị Thủy Tiên		ThS - 2013 ThS-2016	Văn hóa học Văn hóa học	
41	CLM2024	Nghệ thuật thực hành	4	1. Lý Minh Huệ 2. Nguyễn Đức Hoàng 3. Phạm Ngọc Thùy 4. Trần Thị Thảo		ThS - 2013 TS-2019 ThS- 2016 ThS -2011	Văn hóa học Văn hóa học NT sân khấu Văn hóa học	
42	CLM2029	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	4	1. Lý Minh Huệ 2. Nguyễn Đức Hoàng 3. Phạm Ngọc Thùy 4. Nguyễn Thị Thanh Mai		ThS- 2013 TS- 2019 ThS- 2016 ThS- 2010	Văn hóa học Văn hóa học Nghệ thuật sân khấu Văn hóa học	
43	CLM2030	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	2	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Vũ Thị Thái Hoa		ThS.2014 ThS. 2013	Quản lý giáo dục Văn hóa học	
44	CLM2032	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	2	1. Nông Thị Thanh Thúy 2. Tráng Thị Thúy 3. Vũ Thị Thái Hoa		ThS.2010 ThS.2010 ThS 2013	Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
45	CLM2088	Tổ chức sự kiện	3	1. Tráng Thị Thúy 2. Nguyễn Thị Thanh Mai		ThS. 2010 ThS. 2010	Văn hóa học Quản lý văn hóa	
46	CLM2092	Xã hội học văn hóa	2	1. Nguyễn Thị Thanh Loan 2. Lương Thị Đào		TS, 2020 ThS, 2015	Văn hóa học Công tác xã hội	
47	CLM2035	Marketing văn hóa nghệ thuật	2	1. Tráng Thị Thúy 2. Nguyễn Thị Thanh Mai		ThS.2010 ThS, 2010	Văn hóa học Văn hóa học	
48	CLM2037	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	2	1. Bùi Hồng Hạnh 2. Vũ Thị Thái Hoa		ThS 2013 ThS 2013	Văn hóa học Văn hóa học	
49	CLM2038	Quản lý dự án văn hóa	3	1. Hoàng Công Dụng 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		TS. 2019 ThS-2014	Quản lý văn hóa Quản lý giáo dục	
IV.2		Các học phần tự chọn	10/20					
50	CLM2039	Ngoại giao văn hóa	2	1. Nguyễn Thị Thanh Mai		ThS, 2010 TS, 2019	Văn hóa học Văn hóa học	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
				2. Nguyễn Đức Hoàng				
51	CLM2040	Huy động tài trợ	2	1. Nguyễn Thị Thanh Mai 2. Tráng Thị Thúy		ThS, 2010 ThS, 2010	Văn hóa học Văn hóa học	
52	CLM2041	Thiết kế sân khấu, phục trang	4	1. Hoàng Thị Oanh 2. Phạm Phương Linh		TS TS		
53	CLM2042	Quan hệ công chúng	2	1. Nguyễn Thị Thanh Mai 2. Vũ Thị Thái Hoa		ThS, 2010 ThS, 2013	Văn hóa học Văn hóa học	
54	CLM2043	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể	2	1. Nguyễn Thị Thanh Mai 2. Vũ Thị Thái Hoa		ThS 2010 ThS, 2013	Văn hóa học Văn hóa học	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
55	CLM2044	Phát triển văn hóa cộng đồng	2	1. Nông Thị Thanh Thúy 2. Tráng Thị Thúy		ThS, 2010 ThS, 2010	Văn hóa học Văn hóa học	
56	CLM2045	Truyền thông đại chúng	2	1. Nguyễn Thị Thanh Mai 2. Tráng Thị Thúy		ThS 2010 ThS, 2010	Văn hóa học Văn hóa học	
57	CLM2046	Các ngành công nghiệp văn hóa	2	1. Đào Thị Thủy Tiên 2. Tráng Thị Thúy		ThS, 2019 ThS, 2010	Quản lý văn hóa Văn hóa học	
58	CLM2047	Văn hóa gia đình và Văn hóa giao tiếp	2	1. Tráng Thị Thúy 2. Vũ Thị Thái Hoa		Ths. 2010 ThS, 2013	Văn hóa học Văn hóa học	
V	M5	Khối kiến thức thực tập	06					
59	CLM2048	Thực tập giữa khóa	3	1. Vũ Thị Thái Hoa 2. Tráng Thị Thúy		ThS-2013 ThS-2010	Văn hóa học Văn hóa học	
60	CLM2049	Thực tập tốt nghiệp	3	1. Tráng Thị Thúy		ThS- 2010 ThS- 2010	Văn hóa học Văn hóa học	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
				2. Nguyễn Thị Thanh Mai				
VI	M6	Khối kiến thức cuối khóa	10/20					
61	CLM2050	Khóa luận	10	1.Tráng Thị Thúy 2. Vũ Thị Thái Hoa 3. Lý Minh Huệ		ThS-2010 ThS-2013 ThS-2013	Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	
	Học phần thay thế khóa luận		10					
62	CLM2051	Lý luận văn hóa	3	1. Tráng Thị Thúy 2. Vũ Thị Thái Hoa		ThS-2010 ThS-2013	Văn hóa học Văn hóa học	
63	CLM2052	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	3	1.Lý Minh Huệ 2.Nguyễn Đức Hoàng 3.Phạm Ngọc Thùy 4.Nguyễn Thị Thanh Mai		ThS-2013 TS- 2019 ThS-2016 ThS- 2010	Văn hóa học Văn hóa học Nghệ thuật sân khấu Văn hóa học	

PHẦN X. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
1	Phòng lý thuyết - Máy chiếu - Điều hòa - Hệ thống âm thanh giảng dạy - Bàn ghế học tập theo quy định	10	150m ² /1 phòng	POL2009 POL2010 POL2011 POL2003 POL2013 POL2007 GDQP PPE2008 CLM2001 CLM2004 CLM2003 CLM2006 PPE2030 CFL2008 CLM2007 CLM2008 CLM2009 CLM2010 CLM2011 PPE2007 CLM2012 CLM2013 CLM2002 CLM2014	Triết học Mác – Lê nin Kinh tế chính trị Mác - Lê nin Chủ nghĩa xã hội khoa học Tư tưởng Hồ Chí Minh Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Pháp luật đại cương Giáo dục quốc phòng Phương pháp nghiên cứu khoa học Cơ sở văn hóa Việt Nam Lịch sử văn minh thế giới Văn hóa học đại cương Mỹ học Kỹ năng khởi nghiệp Tiếng Việt thực hành Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam Đại cương các loại hình nghệ thuật 1 (Múa + Âm nhạc) Đại cương các loại hình nghệ thuật 2 (Sân khấu + Mỹ thuật) Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa Tâm lý học đại cương Văn hóa VN trong bối cảnh Đông Nam Á Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam Nhân học văn hóa Chính sách văn hóa	

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
				CLM2015 CLM2016 CLM2017 CLM2018 CLM2019 CLM2093 CLM2021 CLM2022 CLM2023 CLM2030 CLM2032 CLM2088 CLM2092 CLM2035 CLM2037 CLM2038 CLM2039 CLM2040 CLM2041 CLM2042 CLM2043 CLM2044 CLM2045 CLM2046 CLM2047 CLM2051	Địa chí văn hóa Việt Nam Văn hóa dân gian Việt Nam Quản lý TC và các hoạt động VHNT 1 Quản lý TC và các hoạt động VHNT 2 Quản lý dịch vụ văn hóa Quản lý di sản văn hóa Quản lý văn hóa du lịch Quản lý hoạt động quảng cáo Quản lý hoạt động biểu diễn Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa Các vùng văn hóa ở Việt Nam Tổ chức sự kiện Xã hội học văn hóa Marketing văn hóa nghệ thuật Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở Quản lý dự án văn hóa Ngoại giao văn hóa Huy động tài trợ Thiết kế sân khấu, phục trang Quan hệ công chúng NT diễn giảng và TC hoạt động tập thể Phát triển văn hóa cộng đồng Truyền thông đại chúng Các ngành công nghiệp văn hóa Văn hóa gia đình và Văn hóa giao tiếp Lý luận văn hóa	
2	Phòng học tin học	03	90m ² /phòng	INF2001	Tin học cơ bản	

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
	- Máy chiếu - Điều hòa - Hệ thống âm thanh giảng dạy - Máy tính theo định mức phòng - Bàn ghế học tập theo quy định			CLM2005	Tin học chuyên ngành	
3	Phòng Thực hành ngoại ngữ tiếng Anh - Máy chiếu - Điều hòa - Hệ thống âm thanh giảng dạy - Bàn ghế học tập theo quy định	01	90m ² /phòng	CLM2001 CLF2001 CLF2007	Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2 Tiếng Anh chuyên ngành	
4	Sân vận động	01	300m ² /1 điểm	PPE2010 PPE2011	Giáo dục thể chất 1 Giáo dục thể chất 2	
5	Phòng thực hành Múa	01	200m ² /1 phòng	CLM2024	Nghệ thuật thực hành	
6	Phòng hòa nhạc - Hệ thống âm thanh, màn hình chiếu theo quy định - Bàn ghế học tập theo quy định	01	300m ² /1 phòng	CLM2029 CLM2052	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật Chương trình biểu diễn nghệ thuật	

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
7	Thư viện 1. Sách, bài giảng, giáo trình theo danh sách của thư viện 2. Điều hòa 3. Máy chiếu 4. Bàn ghế học tập theo quy định	01	500m ² /1 phòng		Sinh viên học tập, nghiên cứu trong các giờ tự học	
8	Phòng bảo vệ luận văn	01	52.60	CLM2050	Khóa luận tốt nghiệp	

3. Học liệu

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	M1	Khối kiến thức chung	27				
1	POL2009	Triết học Mác – Lê nin	3	1. Học liệu bắt buộc 1. Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb chính trị quốc gia, 2013	
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2014	
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình phương pháp dạy - học Chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng)	Nguyễn Văn Cư (chủ biên) Lê Văn Đoán, Nguyễn Văn Long, Nguyễn Thị Phương Thủy, Hoàng Thúc Lân, Phạm Văn Dũng, Nguyễn Thành Công, Trần Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Lan	Nxb đại học sư phạm, 2007.	
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (2) Hệ thống câu hỏi ôn tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh Dương Văn Khoa	Nxb chính trị quốc gia, 2021 Nxb Đại học sư phạm, 2022	
5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				2. Học liệu tham khảo (1) Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Tập 2,3) (2) Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb chính trị quốc gia, 2007 Nxb chính trị quốc gia, 2014	
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	1. Học liệu bắt buộc Giáo trình tin học cơ bản (lưu hành nội bộ)	Vũ Việt Hoàng - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW	2019	
				2. Học liệu tham khảo (1) Tin học ứng dụng căn bản (2) Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office 2013	-Hồ Tuấn Hùng -website của hãng Microsoft	-NXB Đại học Sư phạm, (2013) -địa chỉ http://www.microsoft.com	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	1. Học liệu bắt buộc (1) New Headway (Elementary, The Third edition)	Liz and John Soars, Sylvia Wheeldon; (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nxb Văn hóa Thông tin (2013)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Lifelines Elementary (2) Essential English Grammar in Use (3) English File: Elementary (4) Empower: Elementary Student's book	- Tom Hutchinson, Minh Thu chủ giải - Raymond Murphy (Lê Thúy Hiền giới thiệu) - Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Seligson; (Lê Thúy Hiền giới thiệu) - Adrian Doff, Craig Thaine, Herbert Puchta, Jeff Stranks, Peter	- Nxb Văn hóa Thông tin (2013) - Nxb Từ điển Bách Khoa (2013) - Nxb Hồng Đức. (2011). Việt Nam. - Nxb Văn hóa Thông tin. (2013). Việt Nam. - Nxb Cambridge	
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	1. Học liệu bắt buộc (1) New headway Pre-intermediate	John and Liz Soars with Sylvia Wheeldon	Nxb Oxford (2007)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				2. Học liệu tham khảo (1) Essential English Grammar in Use (2) English File: Pre-Intermediate (3) Gateway to the world B1 Student book	- Raymond Murphy; (Lê Thúy Hiền giới thiệu) - Christina Latham-Koenig, Clive Oxenden, Paul Seligson (Thu Huyền giới thiệu) - David Spencer	- Nxb Từ điển Bách Khoa (2013) - Nxb Thời đại (2014) - Macmillan (2023)	
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Thể dục tập 1	Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận.	- Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2012	
				(2) Giáo trình Thể dục tập 2	Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận.	- Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2013	
				(3) Giáo trình Giáo trình Thể dục Aerobics	Đinh Khánh Thu, Trương Anh Tuấn, Nguyễn Kim Lan	- NXB TDTT Hà Nội (2014)	
				(4) Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Văn Thời (chủ biên)	- Nxb TDTT, Hà Nội (2014).	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2		(5) Giáo trình Thể dục Aerobics 1 (Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm TDTT)	- Nguyễn Văn Thời (chủ biên)	- Nxb TDTT, Hà Nội (2014)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Các bài tập thể lực trong Điền kinh.	-Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Đại Dương, Đàm Trung Kiên	- Nxb Thể dục thể thao Hà Nội (2012).	
			3	1. Nội dung Cầu lông 1.1. Học liệu bắt buộc (1) Luật thi đấu Cầu Lông	Tổng cục thể dục thể thao.	Nxb TDTT Hà Nội, (2014)	
				(2) Giáo trình Cầu long	- Nguyễn Văn Đức (Chủ biên), Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh, Nguyễn Văn Thạch, Nguyễn Thị Huyền	NXB Thể dục thể thao Hà Nội, (2015)	
				1. 2. Học liệu tham khảo (1) Cầu long	- Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành.	Nxb TDTT. (1998)	
				(2) Biên soạn tài liệu giảng dạy môn Cầu lông theo hình thức đào tạo tín chỉ	Phạm Minh Tuấn	Đại học SPNTTW (2017)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				tại trường ĐHSPNTTW (2016 - 2017)			
				2. Nội dung Võ thuật 2.1. Học liệu bắt buộc (1) Karate căn bản	- Nguyễn Ngọc Khương	Nxb Thể dục thể thao, (2006).	
				(2) Giáo trình Karatedo,	- Trần Tuấn Hiếu (chủ biên)	Nxb Thể dục thể thao, (2001)	
				2.2. Học liệu tham khảo (1) Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học Karatedo,	Bộ môn Võ, Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	Nxb Thể dục thể thao, (2009)	
				3. Nội dung Khiêu vũ 3.1. Học liệu bắt buộc (1) Khiêu vũ thể thao	Vũ Thanh Mai (chủ biên)	Nxb Thể dục thể thao, (2011)	
				3.2. Học liệu tham khảo (1) Tài liệu giảng dạy môn “Khiêu vũ thể thao”	- Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, GV Bùi Thị Huyền (2020)		
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Đại học Sư phạm, 2015	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật		-NXB Công an nhân dân 2013	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(2) Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 (3) Bộ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam 2015. (4) Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam 2015 (5) Bộ luật Tố tụng Hình sự (sửa đổi) nước CHXHCN Việt Nam năm 2021 (6) Bộ luật Lao động nước CHXHCN Việt Nam năm 2019.	(1) Trường ĐH Luật Hà Nội (2) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx (3) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx (4) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx (5) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-sua-doi-Bo-Luat-To-tung-hinh-su-2021-489113.aspx (6) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-l	-2013 -2015 -2015 -2021 -2019 -2018	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(7) Luật phòng, chống tham nhũng nước CHXHCN Việt Nam năm 2018. (8) Văn bản về công tác phòng chống tham nhũng	uong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx (7) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Phong-chong-tham-nhung-322049.aspx (8) Bộ Giáo dục và Đào tạo -Thanh Tra	(8) Tài liệu tập huấn Thanh tra, 2018	
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng					
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18				
II.1		Các học phần bắt buộc	13				
13	CLM2005	Tin học chuyên ngành	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Tin học	-Lương Minh Tân (chủ biên); Nguyễn Khải		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				chuyên ngành âm nhạc (Lưu hành nội bộ)		-Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (2019)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Tin học ứng dụng căn bản (2) Microsoft Word 2003: 115 chức năng nâng cao trong soạn thảo văn bản	-Hồ Tuấn Hùng - Hoàng Gia Tuấn	- NXB Đại học Sư phạm (2013) - Nxb Giao thông vận tải (2007)	
14	CFL2007	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1.Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý văn hóa.	Tài liệu lưu hành nội bộ do Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ biên soạn.	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW biên soạn, (2023)	
				2. Học liệu tham khảo (1) English Grammar in Use	Murphy, R. (Ngọc Hạnh, Quỳnh Trâm giới thiệu).	Nhà xuất bản Thanh Hoá (2007)	
15	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1.Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học	- Vũ Cao Đàm	-Nhà xuất giáo dục, 2008	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(2) Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học (3) Phương pháp nghiên cứu xã hội học	- Hoàng Mộc Lan - Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	- Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, 2013 - Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia, 2016	
				2. Học liệu tham khảo (1) Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Mỹ thuật.	- Nguyễn Thu Tuấn	- Nxb Đại học sư phạm Hà Nội, 2015.	
16	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	1. Học liệu bắt buộc (1) Cơ sở văn hóa Việt Nam (2) Cơ sở văn hoá Việt Nam	-Trần Ngọc Thêm -Trần Quốc Vượng, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bên, Lâm Mỹ Dung, Trần Thuý Anh	- Nxb Giáo dục, 2011 - Nxb Giáo dục, 2006	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				2. Học liệu tham khảo (1) Việt Nam văn hóa sử cương (2) Việt Nam phong tục (3) Bản sắc văn hóa Việt Nam (4) Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam	-Đào Duy Anh -Phan Kế Bính -Phan Ngọc -Ngô Đức Thịnh	-Nxb Văn hóa Thông tin, 2000 -Nxb Văn hóa Thông tin, 2005 -Nxb Văn học, Hà Nội, 2002 -Nxb Văn hóa Dân tộc, 2022	
17	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2	1. Học liệu chính (1) Lịch sử văn minh thế giới	- Vũ Dương Ninh (Chủ biên) - Nguyễn Gia Phú -Nguyễn Quốc Hùng-Đinh Ngọc Bảo	- Nxb Giáo dục Việt Nam (2015)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Lịch sử văn minh Trung Hoa, tập 2: Khoa học nghệ thuật, lịch sử hội họa (2) Chuyện kể về những nền văn minh cổ	- Phùng Quốc Siêu, Trần Hải Ninh - Edward James	- Nxb Văn hóa thông tin (2001) - Nxb Thế giới (2002)	
18	CLM2003	Văn hóa học đại cương	2	1. Học liệu chính (1) Từ văn hóa đến văn hóa học	-GS.TS. Phạm Đức Dương	-NXB Văn hóa Thông tin (2013)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Nghiên cứu văn hóa Lý thuyết và thực hành (2) Văn hóa và con người Việt Nam hiện nay – Mấy suy nghĩ từ thực tiễn (3) Văn hóa hội nhập	- Chris Barker, dịch Đặng Tuyết Anh - GS. TS. Đinh Xuân Dũng - Nguyễn Thị Quỳnh Phương	- NXB Văn hóa thông tin (2011) - Nxb Thông tin và truyền thông (2016) - NXB Khoa học xã hội (2016)	
II.2		Các học phần tự chọn	5/9				
19	CLM2006	Mỹ học	2	1. Học liệu chính (1) Mỹ học (2) Mỹ học đại cương	- Nguyễn Hồng Mai, Đặng Hồng Chương - Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân	- Trường ĐH Văn hóa Hà Nội (2004) - Nxb Giáo dục Việt Nam (2009)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Khởi nguồn Mỹ học dân tộc (2) Với văn hóa Nghệ thuật	- Mịch Quang - Nguyễn Đức Đàn	- Nxb Chính trị Quốc Gia (2004) - Nxb Văn hóa Dân tộc (2000)	
20	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Làm thuê hay khởi nghiệp	(1) Đỗ Mạnh Hùng & Bùi Thị Ngân	(1) Nhà xuất bản Dân trí (2022)	
				(2) Không bao giờ là thất bại! Tất cả chỉ là thử thách	(2) Chung Ju Yung (2019).	(2) Nhà xuất bản Thế giới (2019)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					(Lê Huy Khoa dịch).		
				(3) Quốc gia Khởi nghiệp	(3) Dan Senor, Saul Singer Trí Vương dịch	(3) Nhà xuất bản Thế giới (2017),	
				(4) Cá nhân hóa khởi nghiệp	(4) Đỗ Thị Tuyết Lan và cộng sự	(4) Nhà xuất bản Thế giới (2023).	
				(5) Khởi nghiệp 0 - 1: Những điều không thể bỏ qua khi khởi nghiệp	(5) Chu Thụy Phong - Dũng Nguyễn dịch	(5) Nhà xuất bản Hồng Đức . (2019)	
				(6) Get Backed: Ai “chống lưng” cho bạn	(6) Evan Baehr, Evan Loomis - Lê Thiện Trí dịch	(6) Nhà xuất bản Thế giới (2018)	
				(7) Nghĩ giàu làm giàu	(7) NAPOLEON HILL -Việt Khương, Vương Long, Khánh Duy, Ngọc Hân dịch	(7) Nhà xuất bản Thế giới (2019)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Quản trị tinh gọn tại Việt Nam	(1) Nguyễn Đăng Minh	(1) Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2015	
				(2) Phụng sự để dẫn đầu. Tư duy lãnh đạo thế kỷ 21	(2) James Strock - Thu Huyền dịch	(2) Nhà xuất bản Lao động (2017)	
				(3) 6 chiếc mũ tư duy	(3) Edward De BoNo - Nguyễn Hữu Dũng dịch	(3) Nhà xuất bản Thế giới (2022)	
				(4) Business Model Generation (Tạo lập môi trường kinh doanh)	(4) Alexander Osterwalder & Yves Pigneur 470 Cổ Ván, Doanh Nhân Từ 45	(4) Nhà xuất bản Công thương (2023).	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Quốc Gia - Ed. Lưu Thị Thanh Huyền dịch		
				(5) Tư duy phản biện để không bị thao túng tâm lý	(5) Tom Chatfield Khánh Trang dịch	(5) Nhà xuất bản Trẻ (2023)	
				(6) Tâm thái - Bí quyết làm chủ cuộc sống từ trong tâm	(6) Đỗ Văn Dũng	(6) Nhà xuất bản Thế giới (2017)	
				(7) 50 quy tắc vàng làm chủ cảm xúc	(7) Jean - Yves Arrivé - Hoàng Thanh Thủy dịch	(7) Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (2019)	
				(8) Kỹ năng lập kế hoạch hiệu quả	(8) Shibamoto Hidenori - Yoko dịch	(8) Nhà xuất bản thế giới (2022)	
				(9) GOALS! (Chinh phục mục tiêu)	(9) BRIAN TRACY - Nguyễn Trung An, MBA dịch	(9) Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh (2022)	
				(10) http://novaspro.vn/ và http://dean1665.vn/			
21	CFL2008	Tiếng Việt thực hành	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Tiếng Việt thực hành	Hoàng Kim Ngọc (2010)	Nxb Văn hóa Thông tin.	
				2. Học liệu tham khảo (1) Tiếng Việt thực hành (2) Tiếng Việt thực hành	- Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh	- Đại học Sư phạm (2003)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(3) Sách chuyên khảo đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của thuật ngữ mỹ thuật TV	- Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên) Nguyễn Văn Hiệp. - Lê Thị Mỹ Hạnh (Chủ biên)	- NXB ĐHQG HN. (1997). -Nxb Văn hóa thông tin, HN (2019)	
22	CLM2007	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Về tôn giáo và tôn giáo ở Việt Nam	-Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	-Nxb Chính trị Quốc gia (2004)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Nho giáo và phát triển ở Việt Nam (2) Lịch sử nhà Phật	- Vũ Khiêu - Đoàn Trung Còn	- Nxb Khoa học Xã hội (1990) - Nxb Tôn giáo (2007)	
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	19				
III.1		Các học phần bắt buộc	13				
23	CLM2008	Đại cương các loại hình nghệ thuật 1 (Âm nhạc + Múa)	3	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới	-Nguyễn Thị Tố Mai, Phạm Lê Hòa, Trịnh Hoài Thu	- ĐHSP Nghệ thuật TW, 2011	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				2. Học liệu tham khảo (1) Âm nhạc Việt Nam và những điều cần biết (2) Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	- Nguyễn Văn Huân - Nguyễn Thụy Loan	- Văn hóa dân tộc (2011) - ĐH Sư phạm (2006)	
24	CLM2009	Đại cương các loại hình nghệ thuật 2 (Sân khấu + Mỹ thuật)	3	1. Học liệu bắt buộc (1) Đại cương Nghệ thuật sân khấu	- Trần Trí Trắc	- Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2009)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Lịch sử mỹ thuật Việt Nam (2) Giáo trình Mỹ thuật học	- Phạm Thị Chinh - Trần Tiểu Lâm, Phạm Thị Chinh	- Nxb Đại học Sư phạm (2010) - Nxb Đại học Sư phạm, 2008	
25	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Đường lối văn hóa của Đảng cộng sản Việt Nam	- Lê Thị Thu Hiền	- Nxb Văn Học, Hà Nội. (2019)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Đường lối văn hoá của Đảng trong chấn hưng phát triển văn hoá VN (2) Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	- Lê Mậu Lâm (chủ biên) - TS. Ngô Vương Anh - Nguyễn Băng Nhi	- Nxb Chính trị quốc gia sự thật. (2022) - Nxb Lao động (2016)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					- Nguyễn Thị Lan Thanh, Phan Văn Tú, Nguyễn Thanh Xuân		
26	CLM2011	Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa	3	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình khoa học quản lý 2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục (2) Văn hóa học khoa học văn hóa	1. Học liệu bắt buộc - Hồ Văn Vĩnh (chủ biên); Nguyễn Cúc, Ngô Quang Minh, Kim Văn Chính,... 2. Học liệu tham khảo - Trần Kiểm, Nguyễn Xuân Thúc - Nguyễn Tri Nguyên	1. Học liệu bắt buộc - Nxb Lý luận Chính trị (2005) 2. Học liệu tham khảo - Nxb Đại học Sư phạm (2015) -Nxb Văn hóa dân tộc (2018)	
27	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Tâm lí học đại cương (2) Giáo trình Tâm lí học đại cương	(1) Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (2) Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Thạc, Trần Quốc Thành, Hoàng Anh, Lê Thị Bùng, Vũ Kim Thanh, Nguyễn Kim Quý,	(1) Nxb Đại học sư phạm, 2023 (2) Nxb Đại học Sư phạm, 2011	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Đức Sơn		
				2. Học liệu tham khảo (1) Tâm lý học đại cương (2) Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cương	(1) Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Trần Trọng Thủy (2) Phan Trọng Ngọ (Chủ biên), Dương Diệu Hoa, Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Nhân Ái, Bùi Thu Huyền	(1) Nxb ĐH Sư phạm, 2003. (2) Nxb ĐH Sư phạm, 2005.	
III.2		Các học phần tự chọn	6/12				
28	CLM2012	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á		1. Học liệu bắt buộc (1) Việt Nam – Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa 2. Học liệu tham khảo (1) Việt Nam văn hóa sử cương (2) Việt Nam phong tục	- Phạm Đức Dương - Đào Duy Anh - Phan Kế Bính	Giáo dục (2007) - Nxb Văn hóa thông tin (2000) - Nxb Văn hoá Thông tin (2005)	
29	CLM2013	Lịch sử tư tưởng phương	2	1. Học liệu bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tập chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Đông và Việt Nam		(1)Lịch sử tư tưởng Việt nam tập 1	-Nguyễn Tài Thư (chủ biên), Phan Đại Doãn, Nguyễn Đức Sự	(1993)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1)Lịch sử nhà Phật (2)Lịch sử tư tưởng Việt nam tập 2	- Đoàn Trung Còn - Nguyễn Tài Thư (chủ biên), Phan Đại Doãn, Nguyễn Đức Sự	- Nxb Tôn giáo (2007) - (1997)	
30	CLM2002	Nhân học văn hóa	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Nhân học văn hóa	- Trần Hoàng Tiến, Nguyễn Thị Thanh Loan	- Nxb Văn hóa Dân tộc (2015)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1)Văn hóa và con người Việt Nam hiện nay: Mấy suy nghĩ từ thực tiễn	-Đinh Xuân Dũng -Huỳnh Khái Vinh	- Nxb Thông tin & truyền thông, 2016 -Nxb Khoa học xã hội,2000	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(2) Những vấn đề văn hóa Việt Nam đương đại			
31	CLM2014	Chính sách văn hóa	3	1. Tài liệu chính			
				(1) Giáo trình chính sách văn hóa	- Lê Thị Hiền, Phạm Bích Huyền, Lương Hồng Quang, Nguyễn Lâm Tuấn Anh	- Nxb Đại học Quốc gia sự thật, Hà Nội (2009)	
				2. Tài liệu tham khảo			
				(1) Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế (2) Văn hóa hội nhập	- Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn - Nguyễn Thị Quỳnh Phương (biên soạn)	- Nxb Chính trị Quốc gia sự thật (2012) - Nxb Khoa học xã hội (2016)	
32	CLM2015	Địa chí văn hóa Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Giáo trình địa chí văn hóa	- Nguyễn Văn Cần	- Nxb Lao Động (2011)	
				2. Học liệu tham khảo			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(1) Với văn hóa nghệ thuật (2) Từ văn hóa đến văn hóa học	- Nguyễn Đức Đàn - Phạm Đức Dương	- Nxb Văn hóa dân tộc, Tạp chí VHNT (2000) - Nxb Văn hóa Thông tin, 2013.	
33	CLM2016	Văn hóa dân gian Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Văn hóa dân gian - những thành tố	- Lê Ngọc Canh	- Nxb Văn hóa Thông tin; Trường CĐ Văn hoá Tp.HCM, 1999	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Văn hóa dân gian Việt Nam những phác thảo (2) Với Văn hóa Nghệ thuật	- Nguyễn Chí Bền - Nguyễn Đức Đàn	- Nxb Văn hóa Thông tin, 2003 - Nxb Văn hóa dân tộc, Tạp chí văn hóa nghệ thuật (2000)	
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	52				
IV.1		Các học phần bắt buộc	42				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
34	CLM2017	Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 1	3	1. Tài liệu chính			
				1. Tài liệu chính (1) Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	-Nguyễn Thị Lan Thanh, Phan Văn Tú, Nguyễn Thanh Xuân	- Nxb Lao động, 2016	
				2. Tài liệu tham khảo			
				(1) Cơ sở bảo tàng học (2) Với văn hóa nghệ thuật (Tập tiểu luận)	- Nguyễn Thị Huệ (2008) -Nguyễn Đức Đàn	- Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội -Nxb Văn hóa dân tộc, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 2000	
35	CLM2018	Quản lý thiết chế và các hoạt động văn hóa nghệ thuật 2	3	1. Học liệu bắt buộc (1) Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	-Nguyễn Thị Lan Thanh, Phan Văn Tú, Nguyễn Thanh Xuân	- Nxb Lao động, 2016	
				2. Học liệu tham khảo			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(1) Quản lý Văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế (2) Với văn hóa nghệ thuật	- Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn đồng chủ biên - Nguyễn Đức Đàn	- Nxb Chính trị - quốc gia sự thật, 2012 - Nxb Văn hóa Dân tộc, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, HN, 2000	
36	CLM2019	Quản lý dịch vụ văn hóa	2	1. Tài liệu chính			
				(1) Quản lý thị trường sản phẩm văn hóa ở Việt Nam trong cơ chế thị trường	- Phạm Thị Thanh Tâm	- Nxb Văn hóa thông tin và viện văn hóa, 2010	
				2. Tài liệu tham khảo			
				(1) Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (2) Quản lý văn hóa đô thị trong điều kiện công	- Nguyễn Chí Bền - Lê Như Hoa	- Nxb Chính trị quốc gia, 2010 - Viện Văn hóa & Nxb Văn hóa Thông tin, 2000	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước			
37	CLM2093	Quản lý di sản văn hóa	3	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Giáo trình Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch (2) Quản lý di sản văn hóa	- Lê Hồng Lý chủ biên; Dương Văn Sáu, Đặng Hoài Thu - Nguyễn Thị Kim Loan (Chủ biên), Nguyễn Trường Tân	- Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội. (2010) - NXB Văn hóa - Thông tin & Viện Văn hóa (2014)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa (2) Địa chí văn hóa VN	- Trịnh Thị Minh Đức chủ biên; Phạm Thu Hương - Nguyễn Văn Cần	- Nxb Đại học Quốc Gia, HN (2007) - Nxb Lao động xã hội (2011)	
38	CLM2021	Quản lý văn hóa du lịch		1. Học liệu bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			3	(1)Giáo trình văn hóa du lịch (2)Văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch	-Dương Văn Sáu -Nguyễn Phạm Hùng	-Nxb Lao động (2017) -Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội (2022)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1)Luật Du lịch (2) Nhập môn du lịch	-Tổng cục Du lịch -Trần Đức Thanh, Phạm Hồng Long, Vũ Hương Lan (Chủ biên)	-Nxb Lao động (2017) -Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2022)	
39	CLM2022	Quản lý hoạt động quảng cáo	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Maketting Văn hóa Nghệ thuật	- Nguyễn Thị Lan Thanh (Chủ biên); Phạm Bích Huyền, Nguyễn Thị Anh Quyên, Đỗ Thị Thanh Thủy	- Nxb, Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2009	
				2. Học liệu tham khảo (1)Marketing (2)Marketing công cộng	-Trần Minh Đạo -Vũ Trí Dũng	-Nxb Thống kê, 2006 -Đại học kinh tế quốc dân, 2007	
40	CLM2023	Quản lý hoạt động biểu diễn		1. Học liệu bắt buộc (1) Quản lý Văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế	- Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn đồng chủ biên	- Nxb Chính trị quốc gia sự thật (2012)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(2) Văn hóa Đồng bằng Bắc Bộ - Không gian và thời gian biến đổi 2 Học liệu tham khảo (1) Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức VHNT (2) Nghị định 144/2020/NĐ-CP Quy định về hoạt động biểu diễn nghệ thuật.	- Nguyễn Thanh Tuấn -Nguyễn Thị Lan Thanh chủ biên, Phan Văn Tú, Nguyễn Thanh Xuân - Nghị định 144/2020/NĐ-CP	- Nxb Từ điển bách khoa và Viện Văn hóa (2007) - Nxb Lao động (2014) -thuvienphapluat.vn (2020)	
41	CLM2024	Nghệ thuật thực hành (chọn 1/3): Nghệ thuật thực hành (Đàn phím điện tử)	4	1. Học liệu bắt buộc (1) Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử (Electronic Keyboard 2. Học liệu tham khảo (1) Thực hành đệm Organ - Chủ đề tình ca quê hương (2) 1000 hợp âm cho đàn Piano và Organ (3) Phương pháp học đàn Organ Keyboard tập 1	-PGS.NSUT Xuân Tứ - Cù Minh Nhật - Patrick Moulou ,Người dịch Thiên Kim - Lê Vũ - Quang Hiền	- Nxb Đại học sư phạm (2004) - Nxb Dân Trí (2017) - Nxb Thanh hóa (2021) - Nxb Trẻ (2011) - Nxb Trẻ (1998)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(4) Độc tấu Organ Keyboard Tập 4	- Lê Vũ - Quang Đạt		
		Nghệ thuật thực hành (Múa)		1. Học liệu bắt buộc (1) Nghệ thuật biên đạo múa	1. Học liệu bắt buộc - PGS-TS-NSND Nguyễn Thị Hiền	1. Học liệu bắt buộc - Nxb Văn học (2008)	
				2. Học liệu tham khảo (1) Đại cương Nghệ thuật sân khấu (2) Múa đương đại Việt Nam	2. Học liệu tham khảo - Trần Trí Trắc - TS Lê Hải Minh	2. Học liệu tham khảo -Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2009) - Nxb khoa học xã hội (2019)	
		Nghệ thuật thực hành (Thanh Nhạc)		1. Học liệu bắt buộc (1) Phương pháp sư phạm Thanh nhạc chương trình Đại học (2) 100 ca khúc chào thế kỷ	- Nguyễn Trung Kiên - Đinh Đức Lập, Dương Quốc Hưng, Đoàn Minh Tuấn	- Viện Âm nhạc, 2001 - Nxb Thanh niên, 2000	
				2. Học liệu tham khảo (1) Giáo trình thanh nhạc hệ trung học 4 năm	- Nguyễn Trung Kiên - Hồ Mộ La	- Nhạc viện Hà Nội 2002	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(2) Phương pháp dạy thanh nhạc (3) Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát	- Trần Ngọc Lan	- Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2008 -Nxb giáo dục Việt Nam.(2011)	
42	CLM2029	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	4	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật	Trịnh Đăng Khoa	-Nxb ĐHQG TP Hồ Chí Minh, (2021)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Đại cương Nghệ thuật sân khấu (2), Nghệ thuật biên đạo múa	- Trần Trí Trắc - PGS – TS – NSND Nguyễn Thị Hiền	- Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2009) - Nxb Văn học (2008)	
43	CLM2030	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục - đào tạo	- Bộ Giáo dục và đào tạo	-Nxb Giáo dục (2000)	
				2. Học liệu tham khảo			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(1) Giáo trình chính sách văn hóa (2) Quản lý thị trường sản phẩm văn hóa ở Việt Nam trong cơ chế thị trường	- Lê Thị Hiền, Phạm Bích Huyền, Lương Hồng Quang, Nguyễn Lâm Tuấn Anh - Phạm Thị Thanh Tâm	- Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, (2009) - Nxb Văn hóa thông tin và viện văn hóa, 2010	
44	CLM 2032	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa	- Ngô Đức Thịnh	- Nxb văn hoá dân tộc, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Nghiên cứu văn hóa lý thuyết và thực hành (2) Văn hóa và con người Việt Nam hiện nay: Mấy suy nghĩ từ thực tiễn	- Viện văn hóa nghệ thuật Việt Nam - Đinh Xuân Dũng	- Nxb Văn hóa thông tin, 2011 - Nxb thông tin và truyền thông, 2016	
45	CLM2088	Tổ chức sự kiện	3	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Quản lý lễ hội và sự kiện	- Cao Đức Hải – Nguyễn Khánh Ngọc	- Nxb Lao động, Hà Nội. (2019)	
				2. Học liệu tham khảo			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(1) Gây quỹ và tìm tài trợ cho các tổ chức văn hóa nghệ thuật: Giáo trình dành cho sinh viên ĐH và CĐ các trường VH-NT (2)Marketing	-Ngô Ánh Hồng, Nguyễn Thị Anh Quyên, Đỗ Thị Thanh Thủy -Trần Minh Đạo	-Nxb Lao động, 2012 -Nxb Thống kê, 2006	
46	CLM 2092	Xã hội học văn hóa	2	1.Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Xã hội học văn hóa (2) Phương pháp nghiên cứu xã hội học	-Mai Thị Kim Thanh - Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	-Nxb Đà Nẵng. (2019) - Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia, 2016	
				2. Học liệu tham khảo (1). Xã hội học chuyên biệt (2). Xã hội học văn hóa	- Đặng Cảnh Khanh, Đặng Thị Lan Anh - Mai Văn Hai, Mai Kiệm	-Nxb Lao động – Xã hội. (2014) -Nxb Khoa học Xã hội (2018)	
47	CLM2035	Marketing văn hóa nghệ thuật	3	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Giáo trình marketing văn hóa nghệ thuật	- Nguyễn Thị Lan Thanh (chủ biên)	- Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2009)	
				2. Học liệu tham khảo			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(1) Marketing công cộng (2) Marketing 101 – Làm thế nào sử dụng những ý tưởng Marketing hiệu quả để thu hút khách hàng	- Vũ Trí Dũng - Don Sexton, Hà Minh Hoàng, Nguyễn Trang dịch,	- Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội (2007) - Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội. (2007)	
48	CLM2037	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	3	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Về văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa	- Nguyễn Hữu Thức	-NXb Chính trị quốc gia (2005)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Quản lý Văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế (2) Những vấn đề văn hóa Việt Nam đương đại	-Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn -Huỳnh Khải Vinh	-Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2012 -Nxb Khoa học xã hội, 2000	
49	CLM2038	Quản lý dự án văn hóa	3	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật	- Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy	-Nxb Đại học Quốc gia (2009)	
				2. Học liệu tham khảo			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(1) Quản lý lễ hội và sự kiện (2) Gây quỹ và tìm tài trợ cho các tổ chức Văn hóa Nghệ thuật: Giáo trình dành cho sinh viên ĐH và CĐ các trường VH-NT	- Cao Đức Hải, Nguyễn Khánh Ngọc -Ngô Ánh Hồng, Nguyễn Thị Anh Quyên, Đỗ Thị Thanh Thủy	- Nxb Lao động (2019) -Nxb Lao động, 2012	
IV.2		Các học phần tự chọn	10/12				
50	CLM2039	Ngoại giao văn hóa	2	1. Tài liệu chính			
				(1) Văn hóa hội nhập	- Nguyễn Thị Quỳnh Phương	- Nxb Khoa học xã hội, 2016	
				2. Tài liệu tham khảo			
				(1)Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (2) Những vấn đề văn hóa Việt Nam đương đại	-Nguyễn Chí Bền - Huỳnh Khái Vinh	-Nxb Chính trị Quốc gia, 2010 - Nxb khoa học xã hội (2000)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
51	CLM2040	Huy động tài trợ	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Gây quỹ và tìm tài trợ cho các tổ chức Văn hóa Nghệ thuật: Giáo trình dành cho sinh viên ĐH và CĐ các trường VH-NT	-Ngô Ánh Hồng, Nguyễn Thị Anh Quyên, Đỗ Thị Thanh Thủy	-Nxb Lao động, 2012	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật (2)Giáo trình chính sách văn hóa	- Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy -Lê Thị Hiền, Phạm Bích Huyền, Lương Hồng Quang, Nguyễn Lâm Tuấn Anh	- Nxb Đại học Quốc gia HN, (2009) -Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2009	
52	CLM2041	Thiết kế sân khấu, phục trang	4	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Giáo trình Mỹ thuật trang phục	- Trần Thủy Bình	- Nxb Giáo dục Việt Nam (2009)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Giáo trình công nghệ may (2) Marketing	- Trần Thủy Bình - Trần Minh Đạo	- Nxb Giáo dục, (2007). - Nxb Thống kê, 2006	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
53	CLM2042	Quan hệ công chúng	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Marketing	- Trần Minh Đạo	- Nxb Thống kê, 2006	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật (2) Quản lý lễ hội và sự kiện	- Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy - Cao Đức Hải – Nguyễn Khánh Ngọc	- NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (2009) - Nxb Lao động, Hà Nội.(2019)	
54	CLM2043	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật	- Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy	- NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Gây quỹ và tìm tài trợ cho các tổ chức Văn hóa Nghệ thuật: Giáo trình dành cho sinh viên ĐH và CĐ các trường VH-NT (2) Quản lý Văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập Quốc tế	- Ngô Ánh Hồng, Nguyễn Thị Anh Quyên, Đỗ Thị Thanh Thủy -Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn	- Nxb Lao động (2012) - nxb Chính trị quốc gia - Sự thật (2012)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
55	CLM2044	Phát triển văn hóa cộng đồng	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế.	- Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn	- Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2012	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1)Địa chí văn hóa Việt Nam (2)Văn hóa và con người Việt Nam hiện nay: Mấy suy nghĩ từ thực tiễn	- Nguyễn Văn Cần -Đinh Xuân Dũng	- Nxb Lao động, 2011 -Nxb Thông tin và truyền thông, 2016	
56	CLM2045	Truyền thông đại chúng	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Marketing	- Trần Minh Đạo	-Nxb Thống kê, 2006	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật (2) Quản lý lễ hội sự kiện	-.Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy -Cao Đức Hải, Nguyễn Khánh Ngọc	- Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009 - Nxb Lao động, 2019	
57	CLM2046	Các ngành công nghiệp văn hóa	2	1.Học liệu bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(1) Phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam	- Từ Thị Loan (Chủ biên)	-Nxb Văn hóa dân tộc HN 2017	
				2.Học liệu tham khảo			
				(1) Quản lý Văn hóa đô thị trong điều kiện công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước (2) Định vị các ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam	- Lê Như Hoa - Nguyễn Thị Thu Phương	-Viện văn hóa & Nxb văn hóa thông tin, 2000. - Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2022	
58	CLM 2047	Văn hóa gia đình và văn hóa giao tiếp	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1)Văn hóa và con người Việt Nam hiện nay, mấy suy nghĩ từ thực tiễn	-Đinh Xuân Dũng	-Nxb Thông tin và truyền thông, 2016	
				2. Học liệu tham khảo			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(1)Văn hóa giao tiếp - ứng xử trong tục ngữ - ca dao Việt Nam (2)Nghiên cứu văn hóa lý thuyết và thực hành	- Nguyễn Nghĩa Dân -Chris Barker, dịch Đặng Tuyết Anh	- Nxb Văn hóa thông tin, 2013 - Nxb Văn hóa thông tin, 2011	
V	M5	Khởi kiến thức thực tập	6				
59	CLM2048	Thực tập giữa khóa	3				
60	CLM2049	Thực tập tốt nghiệp	3				
VI	M6	Khởi kiến thức cuối khóa	10/20				
61	CLM2050	Khóa luận	6				
<i>Học phần thay thế khóa luận: 0</i>							
62	CLM2051	Lý luận văn hóa	5				
63	CLM2052	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	5	1. Học liệu bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				(1) Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp (Nghệ thuật đạo diễn) (2)Viết kịch bản và đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật	- Lê Ngọc Canh - Trịnh Đăng Khoa	- Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2009 - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	
				2. Học liệu tham khảo			
				1. Chỉ huy- dàn dựng các tác phẩm âm nhạc (2) Những bài tập hát tập thể đồng ca hợp xướng	Lê Thế Hào, Nguyễn Thiết - Đào Ngọc Dung	- Nxb Trường CĐSP nhạc - họa TW - Trường CĐSP Nhạc họa TW, 2003	

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
(Ký, đóng dấu)

PGS. TS. Lê Vinh Hưng

--	--